

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026- 2030

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 31/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 và Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 146/STC-THQH ngày 09/01/2026 sau khi xin ý kiến các Trường Đại học, các tổ chức, cá nhân liên quan, UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, như sau:

PHẦN I
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021-2025

Tỉnh Phú Thọ triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi: (i) Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; thể chế, chính sách tích cực được hoàn thiện; (ii) sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; (iii) các khâu đột phá chiến lược, động lực tăng trưởng được thúc đẩy; (iv) môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; (v) các cấp các ngành đã quyết tâm, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Bên cạnh những thuận lợi, còn nhiều khó khăn, thách thức đặt ra như: (i) tình hình thế giới có nhiều vấn đề mới nảy sinh, diễn biến nhanh, phức tạp, vượt ngoài dự báo; xung đột quân sự, cạnh tranh chiến lược, điều chỉnh chính sách thuế quan của các nước lớn; (ii) thị trường tài chính, tiền tệ, giá vàng, xăng dầu, nguyên vật liệu, hàng hóa biến động mạnh; thị trường bất động sản, chuỗi cung ứng gặp khó khăn; (iii) đại dịch Covid-19 xảy ra và để lại hậu quả kéo dài nhiều năm; (iv) biến đổi khí hậu gây ra hạn hán, thiên tai, bão lũ,... đã ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân; (v) công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ ở một số nơi còn thiếu sót, thậm chí có sai phạm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân ước đạt 7,9%/năm, cao nhất trong 10 năm qua và cao hơn bình quân chung của cả nước.
- Quy mô GRDP năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 412,4 nghìn tỷ đồng, tương đương 16,3 tỷ USD, gấp 1,66 lần so với năm 2020, xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố. GRDP bình quân đầu người ước đạt 111,4 triệu đồng, gấp 1,57 lần so với năm 2020, tương đương 4.397 USD/người/năm.
- Tổng thu ngân sách năm 2025 ước đạt hơn 61,7 nghìn tỷ đồng đưa tổng thu ngân sách 5 năm đạt 256,4 nghìn tỷ đồng, bình quân đạt 51,3 nghìn tỷ đồng/năm. Tốc độ tăng thu NSNN giai đoạn 2021-2025 bình quân đạt 6,37%/năm.
- Thu hút đầu tư 5 năm vốn FDI đạt gần 6 tỷ USD, trong đó vốn đăng ký mới 3,5 tỷ USD, vốn điều chỉnh 2,5 tỷ USD; vốn DDI đạt 488 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn đăng ký mới đạt 408 nghìn tỷ đồng, vốn điều chỉnh 80 nghìn tỷ đồng.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm ước đạt 158,3 tỷ USD, tăng bình quân 19,9%/năm, nhập khẩu ước đạt khoảng 146,4 tỷ USD, tăng bình quân 17,1%/năm.

2. Về văn hóa- xã hội

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73,3%; trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận đạt 34,76%.
- Tạo việc làm tăng thêm hằng năm 57,9 nghìn người. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động là 1,4%. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2025 ước còn 2,68%.
- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia theo chuẩn mới ở tất cả các cấp học đạt 84,2% (tăng 10,3% so với năm 2020);
- Số bác sĩ/1 vạn dân đạt 13,9 bác sĩ (tăng 3,3 bác sĩ); số giường bệnh/1 vạn dân đạt 43,87 giường bệnh (tăng 10,74 giường bệnh) so với năm 2020.
- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95,1% (tăng 1,7% so với năm 2020).
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025 đạt 63,2%.

3. Về môi trường

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 86%. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 98,7%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị đạt 95%, khu vực nông thôn đạt 75%.
- Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt 82,4%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 43,5%.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

Trong bối cảnh cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề chưa có trong tiền lệ, song nhờ sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ 5 năm qua đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Nổi bật là:

1. Phát triển kinh tế

1.1. Kinh tế duy trì đà tăng trưởng tích cực, chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu, năng lực cạnh tranh đang từng bước được nâng lên

5 năm 2021-2025, kinh tế của tỉnh tuy có thời điểm gặp khó khăn, song đã phục hồi và tăng trưởng tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân ước đạt **7,9%/năm¹**, cao nhất trong 10 năm qua và cao hơn bình quân chung của cả nước (6,3%/năm). Quy mô GRDP năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 412,4 nghìn tỷ đồng, tương đương 16,3 tỷ USD, xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố. GRDP giá thực tế bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 111,4 triệu đồng/người/năm, tương đương đạt 4.397 USD/người/năm). Cơ cấu các khu vực kinh tế trong GRDP tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ chiếm khoảng 87,5% và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 12,5% (Năm 2020 lần lượt là 82,7% và 17,3%).

Công nghiệp tăng trưởng khá, bình quân tăng 11,9%/năm, tiếp tục là ngành chủ lực, giữ vai trò trụ cột trong phát triển kinh tế của tỉnh. Trong kỳ có nhiều thời điểm chuỗi cung ứng hàng hóa bị đứt gãy, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp song các doanh nghiệp đã thay đổi chiến lược, mở rộng thị trường tiêu thụ, do đó đã có nhiều sản phẩm tăng trưởng khá về sản lượng sản xuất như: linh kiện điện tử, ô tô, xe máy các loại, quần áo, giày dép thể thao, gạch ốp lát, sắt thép... đã có một số sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Châu Âu và các thị trường lớn trên thế giới (Cosmos, Á Mỹ, CNC,...). Cơ cấu nội ngành công nghiệp đã và đang có sự chuyển dịch sang các ngành có giá trị gia tăng cao, với hơn 70 doanh nghiệp đầu tư tại tỉnh nằm trong chuỗi cung ứng linh kiện cho các tập đoàn Samsung, Dell, Apple. Năng lực sản xuất được gia tăng với một số dự án sản xuất có quy mô lớn đã đăng ký đầu tư vào tỉnh, như: dự án MDF Mê Kong, gạch Tasa (số 2), gạch Granite, gạch Takao Granite, gạch Á Mỹ, dẹt Regent, cao su Inoue VN, điện tử BYD, V.Sun, Hanyang DGT, Jahawa electronics, Innovation VN, Ojitex, Kraft Vina, Asahi intec Hà Nội, CNC Tech, PCB, Signetics, Polaris Việt Nam, viễn thông FPT, nhôm Việt Dũng, xi măng Xuân Thiện, xi măng Xuân Sơn...

Sản xuất nông nghiệp đã và đang chuyển dịch theo hướng hàng hóa, tập trung, quy mô lớn. Giá trị sản xuất trên 1ha đất được nâng lên đạt xấp xỉ 140 triệu đồng/ha (tăng 24 triệu đồng so với năm 2020). Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh tập trung quy mô lớn²; có 686 vùng trồng trọt tập trung với diện tích 82,8 nghìn ha, 3,9 nghìn ha được cấp chứng nhận VietGAP, 153 ha chứng nhận GlobalGAP, 2,14 nghìn ha chứng nhận RA, 108,6 ha chứng nhận hữu cơ và đã cấp 766 mã vùng trồng với tổng diện tích 9,7 nghìn ha; hình thành nhiều chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm³. Các loại cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế cao như: cam, bưởi, chè,

¹ Trong đó: ngành công nghiệp – xây dựng tăng 11,2%/năm, ngành dịch vụ tăng 7,1%/năm, ngành nông lâm nghiệp thủy sản tăng 3,6%/năm và thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 2,5%/năm.

² Vùng chuyên canh: lúa diện tích trên 56 nghìn ha; rau 4,2 nghìn ha; cây ăn quả 15,6 nghìn ha. Chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại: đàn lợn 454,4 nghìn con, đàn gà 5,3 triệu con, đàn bò 13,9 nghìn con.

³ Hình thành 219 chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu bưởi: (bưởi Đoan Hùng, bưởi đỏ ở Tân Lạc, bưởi diên ở Yên Thủy); liên kết sản xuất, tiêu thụ, xuất

lúa, bí đỏ, bí xanh, cà chua, su su,... được phát triển gắn với xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý. Tỉnh đã tìm kiếm và duy trì được thị trường xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp như: chè, gỗ và sản phẩm từ gỗ, chuối tiêu hồng, thanh long ruột đỏ, ớt quả,... Các sản phẩm OCOP từng bước được nâng cao về giá trị, toàn tỉnh hiện có 661 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên⁴. Chăn nuôi chuyển dần theo hướng giảm tỷ lệ chăn nuôi nhỏ lẻ, tăng quy mô chăn nuôi tập trung; đẩy mạnh thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi theo hướng hữu cơ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin vào kiểm soát hoạt động chăn nuôi và thu hút đầu tư chăn nuôi quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; một số sản phẩm chăn nuôi đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu, có thương hiệu trên thị trường (thịt chua Thanh Sơn, gà nhiều cựa Tân Sơn Phú Thọ, gà Lạc Thủy,...). Sản xuất thủy sản phát triển ổn định, từng bước chuyển đổi nuôi trồng các loại thủy đặc sản; phát triển nuôi cá lồng trên các thủy vực lớn (lồng hồ Hòa Bình, Sông Hồng, Sông Đà, Sông Lô...). Quản lý bảo vệ, phát triển, phòng cháy chữa cháy rừng được thực hiện tốt; phát triển rừng bền vững với diện tích được cấp chứng chỉ đạt 60,2 nghìn ha, mở rộng diện tích rừng gỗ lớn đạt trên 26,8 nghìn ha.

Các lĩnh vực dịch vụ đáp ứng tốt cho sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của người dân. Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi ngày càng phát triển rộng khắp. Xúc tiến thương mại, kích cầu tiêu dùng được đẩy mạnh. Kinh doanh thương mại điện tử đã và đang phát triển mạnh mẽ. Hàng hoá trên thị trường phong phú, đa dạng. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng khá, bình quân 5 năm đạt 14,5%/năm. Thị trường, sản phẩm xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng mở rộng⁵, trong đó đã xuất khẩu sang một số thị trường có tiêu chuẩn cao như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc. Kinh doanh vận tải tăng trưởng khá, tổng doanh thu 5 năm đạt khoảng 77,4 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng bình quân khoảng 14%/năm. Dịch vụ logistics đã và đang hình thành, phát triển với 01 Trung tâm logistics ICD Vĩnh Phúc đã đi vào hoạt động giai đoạn 1. Du lịch dần trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch đã được tổ chức thành công; tỉnh đã thu hút được một số dự án quy mô lớn (Wyndham Thanh Thủy; Sân Golf Văn Lang Empire; Sân golf Kỳ Sơn; cáp treo Hương Bình, Cuối Hạ, KDL sinh thái Ngòi Hoa, Đàm Ao Châu, Bắc Ngọc Thanh, ...) tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước; Khu du lịch Tam Đảo trở thành khu du dịch quốc gia thứ 7 của cả nước, thị trấn Tam Đảo (trước sáp nhập) nhiều năm liền được vinh danh là “Thị trấn du lịch hàng đầu thế giới”; tổng lượt khách du lịch đến thăm quan tại tỉnh 5 năm qua ước đạt trên 54 triệu lượt, trong đó có gần 2,34 triệu lượt khách quốc tế; tổng lượt khách lưu trú đạt 16,8 triệu lượt khách và tổng doanh thu du lịch ước đạt trên 55 nghìn tỷ đồng.

khẩu chuối tại Lương Sơn, Cao Phong, Hạ Hòa; chăn nuôi bò sữa tại huyện Vĩnh Tường, Lập Thạch, Tam Đảo... liên kết tiêu thụ với 2 Công ty sữa lớn (*Vinamilk, cô gái Hà Lan*); chăn nuôi lợn liên kết với công ty CP,...

⁴ Gồm 6 sản phẩm 5 sao trở lên, 106 sản phẩm 4 sao và 549 sản phẩm 3 sao.

⁵ Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh là quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc; Giày, dép và các sản phẩm tương tự, các bộ phận của sản phẩm; thiết bị điện tử; Plastic và các sản phẩm bằng plastic...; mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất và máy móc thiết bị, hàng hóa khác phục vụ sản xuất trên địa bàn.

1.2. Hoạt động tài chính, tín dụng đạt kết quả tích cực, vốn đầu tư công được sử dụng hiệu quả

Nhiều nhiệm vụ, giải pháp tạo nguồn thu cho ngân sách đã được triển khai, trong đó tập trung hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng, đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, giảm tỉ lệ nợ đọng thuế... Kết quả thu ngân sách nhà nước đạt khá, ước năm 2025 đạt hơn 61,7 nghìn tỷ đồng, trong đó thu nội địa 55,3 nghìn tỷ đồng đưa tổng thu 05 năm 2021 - 2025 ước đạt 256,4 nghìn tỷ đồng (*bình quân hằng năm đạt 51,3 nghìn tỷ đồng/năm*). Quản lý chi ngân sách được tăng cường. Ngân sách được tổ chức điều hành trong phạm vi dự toán được duyệt, kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ chính sách quy định, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, chi phí công tác trong và ngoài nước; ưu tiên các nhiệm vụ chính trị quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Tín dụng đáp ứng tốt nhu cầu cho phát triển. Các tổ chức tín dụng đã triển khai đồng bộ các chương trình, chính sách miễn, giảm lãi suất, gia hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ của doanh nghiệp; tập trung cho vay các lĩnh vực ưu tiên, động lực và các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh; cho vay các lĩnh vực xuất khẩu, lĩnh vực lâm sản, thủy sản, cho vay nhà ở xã hội, đảm bảo an sinh xã hội; triển khai tốt chương trình kết nối ngân hàng- doanh nghiệp. Ước đến cuối năm 2025 tổng vốn huy động đạt trên 320 nghìn tỷ đồng, tăng 77,8% (tương đương 140 nghìn tỷ đồng) so với năm 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 12,9%/năm; dư nợ cho vay ước đạt 340 nghìn tỷ đồng, tăng 13,08%/năm (tương đương 139,8 nghìn tỷ đồng); tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,5% dư nợ và nằm trong tầm kiểm soát.

Đầu tư công được triển khai quyết liệt, hiệu quả. Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo các dự án trọng điểm, Tổ công tác giải ngân; huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị trong giải phóng mặt bằng; thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư nhất là các dự án trọng điểm và thực hiện điều chỉnh, điều hòa vốn đối với các dự án chậm tiến độ cho các dự án giải ngân tốt hơn. Giai đoạn 2021- 2025 toàn tỉnh đã huy động gần 110 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công trung hạn (trong đó ngân sách Trung ương đạt 34,1 nghìn tỷ đồng, ngân sách địa phương đạt 75,8 nghìn tỷ đồng) để đầu tư các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm, tạo sự lan tỏa, kết nối giữa các vùng, địa phương trong tỉnh; vốn đầu tư công hàng năm luôn nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước (đạt trên 95%); năm 2025 phân đấu đạt 100% vốn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

1.3. Các thành phần kinh tế được quan tâm, kinh tế tư nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ được chú trọng phát triển

Nhiều giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã được tỉnh triển khai hiệu quả như: Thành lập Tổ công tác đặc biệt, đường dây nóng hỗ trợ doanh nghiệp; vận hành mô hình “Cà phê doanh nhân”; giao trách nhiệm cụ thể cho từng sở, ngành, địa phương thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI; thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại, gặp mặt doanh nghiệp, doanh nhân... Kết quả thu hút đầu tư 5 năm giai đoạn 2021-

2025 đạt 844 dự án đầu tư tư nhân (DDI)- vốn đăng ký 488 nghìn tỷ đồng; 237 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)- vốn đăng ký đạt gần 6 tỷ USD; đăng ký thành lập mới 14,4 nghìn doanh nghiệp, vốn đăng ký 397,8 nghìn tỷ đồng; khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã đã và đang có những chuyển biến tích cực, 5 năm đã có trên 1 nghìn hợp tác xã được thành lập. Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được sắp xếp, đổi mới theo kế hoạch.

1.4. Lập, quản lý và thực hiện quy hoạch được quan tâm, nâng cao chất lượng; kết cấu hạ tầng được tập trung xây dựng tạo không gian phát triển mới, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội

Lập, quản lý và thực hiện quy hoạch được quan tâm. Quy hoạch 3 tỉnh thời kỳ 2021-2030 trước hợp nhất đã được lập và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên địa bàn tỉnh đã triển khai lập 13 quy hoạch chung đô thị cấp tỉnh, 48 quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V và 8 đồ án quy hoạch khu chức năng.

5 năm qua đã có một số dự án giao thông lớn, trọng điểm được triển khai nhằm liên thông, liên kết giữa các địa phương trong tỉnh và với các tỉnh, thành phố lân cận⁶, đã hoàn thành 28,6 km đường bộ cao tốc, 53km đường giao thông liên vùng và hàng trăm km đường tỉnh, đường huyện. Hạ tầng cung cấp điện đảm bảo cho an ninh năng lượng quốc gia; đầu tư nhiều công trình lưới điện 500kV, 220kV và các đường dây và trạm biến áp 110kV, 35kV, 22kV, 04kV; đồng thời, tỉnh đã phối hợp hiệu quả trong quá trình triển khai dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Hòa Bình và dự án đường dây 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên (qua địa bàn hơn 81km). Hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn hiện có 40 nhà máy nước sạch tập trung, 619 công trình nước sạch nông thôn đang được khai thác. Hạ tầng thoát nước thải tiếp tục được đầu tư, nhất là các dự án sử dụng vốn ODA về quản lý nguồn nước và ngập lụt, các dự án nạo vét thủy vực chứa nước thải trong khu dân cư và hệ thống rãnh thoát nước thải khu vực nông thôn. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp phát triển với 11 khu công nghiệp⁷ được chấp thuận đầu tư/thành lập mới, đến nay có 17 KCN đã đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy đạt 49%, ngoài ra có 67 cụm công nghiệp được thành lập, trong đó có 35 cụm đã hoạt động. Hạ tầng thương mại với 366 chợ, 8 trung tâm thương mại, 29 siêu thị đạt tiêu chuẩn, hàng nghìn cửa hàng mua bán tự chọn đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa cho Nhân dân. Hạ tầng du lịch với 1.520 cơ sở lưu trú du lịch, 94 doanh nghiệp lữ hành và nhiều khu, điểm du lịch trọng điểm thường xuyên thu hút được lượng lớn khách đến tham quan, nghỉ dưỡng như: Đền Hùng, Tam Đảo, Đại Lải, Tây Thiên, Hồ Hoà Bình, Vườn quốc gia Xuân Sơn, Đồi chè Long Cốc, Wyndham Lynn Times Thanh Thủy, Suối Khoáng Kim Bôi, Bản Lác, Mai Châu... Hạ tầng nhà ở xã hội được chú trọng đầu tư, giai đoạn 2021-2024 đã hoàn

⁶ Đường bộ cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ; cầu Vĩnh Phú; cầu Phòng Châu; đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL.70B, QL.32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái; cải tạo, nâng cấp 31,3 km đường tỉnh 435 (nhánh 1 và nhánh 2), cầu Hoà Bình 2, đường liên huyện Lạc Sơn – Tân Lạc; đường vành đai 2 cơ bản đã được khép kín, vành đai 3, 3,5 khu vực Vĩnh Phúc đang được triển khai xây dựng... đang triển khai và chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường: đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình, đường cao tốc Việt Trì - Hòa Bình, đường song song đường sắt Vĩnh Yên - Việt Trì, mở rộng Quốc lộ 2 Vĩnh Yên – Việt Trì, đường trục trung tâm khu đô thị Mê Linh, đường vành đai 5 vùng Thủ đô...

⁷ Gồm: KCN Thái Hoà- Liễn Sơn- Liễn Hoà (KVII-GĐ1); Tam Dương I-KV2; Sông Lô I; Sông Lô II; Nam Bình Xuyên; Phúc Yên; Đồng Sóc; Bình Xuyên II-GĐ2; Nhuận Trạch; Lạc Thịnh và Thịnh Minh với diện tích quy hoạch gần 2,2 nghìn ha.

thành 5 dự án nhà ở xã hội (1.547 căn) và năm 2025 đang triển khai xây dựng 09 dự án⁸ dự kiến hoàn thành 2.913 căn (vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao).

Hạ tầng các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư. Cơ sở vật chất trường, lớp học được chú trọng, đã có một số trường được đầu tư, đưa vào hoạt động với quy mô, kiến trúc hiện đại như: Trường THPT chuyên Hùng Vương, chuyên Vĩnh Phúc, Trần Phú, Tô Hiệu... đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cũng như giáo dục mũi nhọn của tỉnh. Hạ tầng y tế đáp ứng tốt yêu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân; nhiều công trình y tế lớn đã được xây dựng, mở rộng như: Bệnh viện đa khoa Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bệnh viện sản nhi Vĩnh Phúc; các Trung tâm y tế tuyến huyện (cũ); các kỹ thuật, máy móc tiên tiến, hiện đại được bổ sung, đáp ứng yêu cầu thực hiện các dịch vụ khám chữa bệnh theo phân tuyến của Bộ Y tế. Hạ tầng văn hóa, thể thao với nhiều công trình đáp ứng yêu cầu và tổ chức các sự kiện văn hóa lớn; tỉnh đã hoàn thành một số công trình như: Nhà văn hóa nghệ thuật Phú Thọ, Di tích Bác Hồ về thăm Tập đoàn sản xuất Chí Hoà, sân vận động Phú Thọ, Vĩnh Yên, 28 khu thiết chế văn hóa- thể thao tại các Làng văn hóa kiểu mẫu khu vực Vĩnh Phúc... hiện nay toàn tỉnh có 20 thiết chế văn hóa- thể thao cấp tỉnh, 433 nhà văn hóa kiêm trung tâm học tập cộng đồng xã, phường góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân tham gia sinh hoạt cộng đồng. Hạ tầng thông tin, truyền thông, hạ tầng số phát triển nhanh với 5 nhà cung cấp dịch vụ điện thoại và 5 nhà cung cấp dịch vụ Internet. Mạng thông tin di động 3G, 4G phủ sóng toàn tỉnh, mạng 5G phát sóng tại các đô thị lớn của tỉnh; tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh ước đạt 87,5%.

1.5. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện; các nguồn lực, nút thắt trong phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội được đẩy mạnh tháo gỡ vướng mắc và từng bước khai thông

UBND tỉnh hằng năm đều ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ với các mục tiêu, giải pháp và giao nhiệm vụ rất cụ thể của các sở, ngành, địa phương. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh hoặc ban hành các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực cho phát triển; đẩy mạnh cải cách hành chính với trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết; xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến⁹; đồng hành, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; hoàn thiện hệ thống các quy hoạch; đẩy mạnh giải phóng mặt bằng; tỉnh đã bố trí 504,7 tỷ đồng cho Quỹ phát triển đất để thực hiện GPMB, bàn giao cho các công trình, dự án trọng điểm; thực hiện tốt các chính sách và hỗ trợ các nhà đầu tư, doanh nghiệp tiếp cận các chính sách về thuế, hải quan, tín dụng... Kết quả xếp hạng các chỉ số năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính được cải thiện, xếp hạng mức khá so với cả nước.

⁸ Khu nhà ở xã hội cho công nhân Khu công nghiệp Phú Hà; Khu nhà ở xã hội thấp tầng tại lô đất NO2; Khu nhà ở công nhân Khu công nghiệp Thụy Vân; Dự án khu đô thị Việt - Đức Legend City; Dự án khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên giai đoạn 1; Dự án khu nhà ở xã hội tại thôn Rừng Cuông; Dự án khu nhà ở đô thị tại phường Khai Quang, Liên Bảo; Khu nhà ở công nhân và dịch vụ công nghiệp xã Quang Tiến; Dự án Khu nhà ở xã hội tại khu Thành Công.

⁹ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt 85,6%; tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn và trong hạn hằng năm đạt trên 99%.

2. Các lĩnh vực văn hóa – xã hội

2.1. Hoạt động văn hoá, thể thao, thông tin tuyên truyền, báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình, văn học nghệ thuật có nhiều tiến bộ.

Các giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh và bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh được bảo tồn, phát huy hiệu quả, từng bước gắn với phát triển du lịch của địa phương. Công tác lập quy hoạch di tích¹⁰ và triển khai các dự án tu bổ, chống xuống cấp các di tích, các đề án, kế hoạch về bảo tồn phát huy giá trị văn hóa phi vật thể được quan tâm¹¹. Trên địa bàn tỉnh hiện có 2.778 di tích, trong đó có 979 di tích được xếp hạng¹² cùng hàng nghìn di vật, cổ vật; gần 2.000 di sản, trong đó có 05 di sản được UNESCO ghi danh¹³, 41 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Tỉnh đang hoàn thiện 15 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật ngày càng được nâng cao về chất lượng và quy mô. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển mạnh mẽ với 4.339 đội văn nghệ quần chúng hoạt động thường xuyên phục vụ Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, mừng thọ có nhiều chuyển biến tích cực. Các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn và phát huy; các hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống được tổ chức thường xuyên, tạo sự lan tỏa của không gian văn hoá vùng Đất Tổ. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” dần đi vào chiều sâu, thực chất. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư đồng bộ phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt, tổ chức sự kiện trong nước và quốc tế.

Phong trào tập luyện thể dục thể thao được diễn ra rộng khắp. Số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên, số CLB và gia đình thể thao không ngừng tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Các môn thể thao dân tộc, truyền thống được khuyến khích phát triển như: Kéo co, vật dân tộc, cờ tướng, bơi chải, bắn nỏ, tung còn... gắn với việc tổ chức các lễ hội truyền thống. Nhiều giải thể thao quy mô cấp quốc tế và quốc gia đã được tỉnh đăng cai tổ chức thành công như bóng đá, bóng chuyền, muay, đua xe đạp, bắn cung... Các đội thể thao thành tích cao tiếp tục được duy trì tập luyện và tham gia thi đấu 324 giải thể thao quốc gia, quốc tế, giành được 1.336 huy chương các loại (trong đó, có 399 HCV, 367 HCB và 570 HCD).

Công tác thông tin, tuyên truyền được chú trọng, tạo môi trường truyền thông lành mạnh, định hướng dư luận, phản bác hiệu quả thông tin xấu độc. Báo chí, truyền thông tích cực chuyển đổi số, đa dạng hóa nền tảng và nội dung, đáp ứng nhu cầu công chúng, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp.

2.2. Giáo dục và đào tạo tiếp tục đổi mới theo hướng căn bản, toàn diện.

¹⁰ Quy hoạch di tích quốc gia đặc biệt: Đền Hùng; Hang xóm trại và mái đá Làng Vành; đình Thổ Tang, Tháp Bình Sơn; Tây Thiên - Tam Đảo.

¹¹ Giai đoạn 2021 – 2025 đã có gần 250 lượt di tích được tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp, hơn 40 di sản văn hóa phi vật thể được bảo tồn, phục dựng với tổng kinh phí hơn 1,1 nghìn tỷ đồng.

¹² 06 di tích quốc gia đặc biệt, 176 di tích cấp quốc gia, 797 di tích cấp tỉnh; 06 Bảo vật quốc gia.

¹³ 02 di sản được ghi danh với tư cách là chủ thể: Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Hát Xoan Phú Thọ; 03 di sản có Phú Thọ là vùng lan tỏa trong hồ sơ đa quốc gia: Nghi lễ và Trò chơi Kéo co, Hát Ca trù của người Việt và Thực hành tín ngưỡng Tam phủ của người Việt.

Giáo dục và đào tạo của tỉnh có những bước phát triển. Chất lượng giáo dục đại trà tiếp tục đạt kết quả cao và nằm trong tốp các tỉnh dẫn đầu về điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT và tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp của cả nước. Học sinh của tỉnh nhiều năm liên tục đạt thứ hạng cao trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế và khu vực. Kết quả thi học sinh giỏi và thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia luôn đạt thành tích cao. Mạng lưới trường, lớp được rà soát, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối. Cơ sở vật chất trường lớp tiếp tục được ưu tiên đầu tư. Thiết bị dạy học tại các trường được đầu tư theo hướng chuẩn hóa và từng bước hiện đại hóa. Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 84,5%. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, mạng lưới cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được nâng lên. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai đồng bộ, tạo sự lan tỏa rộng khắp.

Hệ thống đào tạo, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tiếp tục được rà soát, sắp xếp tinh gọn. Thực hiện tốt định hướng GDNN và phân luồng học sinh sau THCS theo đó tỷ lệ học sinh học GDNN tăng hàng năm. Chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng cao, quy mô, số lượng các ngành đào tạo được mở rộng, tiệm cận với xu hướng phát triển của giáo dục đại học của cả nước. Chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 73,3%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận đạt 34,76%.

2.3. Công tác y tế, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân có tiến bộ; năng lực hoạt động y tế ở cơ sở được tăng cường.

Tỉnh đã chỉ đạo triển khai linh hoạt, hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19 và kiểm soát tốt các loại dịch bệnh khác. Y tế cơ sở đã thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân; 94,8% trạm y tế xã có bác sĩ; tỉnh đã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho ngành Y tế được ưu tiên đầu tư¹⁴; tỷ lệ giường bệnh trên 1 vạn dân ước đạt 43,87 giường bệnh. Năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế từ tỉnh đến cơ sở được nâng lên, nhiều kỹ thuật hiện đại được thực hiện tại tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đồng thời người dân được thụ hưởng dịch vụ kỹ thuật cao ngay tại tuyến tỉnh mà không cần chuyển đi tuyến Trung ương. Nhân lực ngành y tế được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ quản lý; tỷ lệ bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 13,9 bác sĩ, số dược sĩ đại học/vạn dân đạt 4,66 dược sĩ. Chuyển đổi số y tế bước đầu thực hiện, góp phần tăng hiệu quả quản trị đơn vị, bệnh án điện tử được áp dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh đã giúp giảm thủ tục hành chính. Xã hội hóa trong khám, chữa bệnh được đẩy mạnh; nhiều bệnh viện, phòng khám, cơ sở khám chữa bệnh tư nhân được thành lập mới (trên địa bàn có 09 bệnh viện ngoài công lập, 1.055 phòng khám tư nhân), tổng nguồn lực xã hội hóa khoảng 5 nghìn tỷ đồng, trong đó cơ sở vật chất khoảng 3,5 nghìn tỷ đồng và thiết bị y tế khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng, qua đó đã góp phần đa dạng hóa các dịch vụ y tế và giảm tải tại các bệnh viện công lập.

¹⁴ Trong đó: Nâng cấp 08 Bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế tuyến huyện (khu vực Phú Thọ); Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Phúc Yên, các Trung tâm Y tế tuyến huyện (khu vực Vĩnh Phúc); 4 trung tâm y tế tuyến huyện tại Lạc Sơn, Yên Thủy, Cao Phong và Hòa Bình (khu vực Hòa Bình).

Lĩnh vực kiểm nghiệm, giám định, pháp y ngày càng tiến bộ. Quy mô và chất lượng dân số được cải thiện. Chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em có bước tiến bộ; giảm dần tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng. Thực hiện tốt công tác VSATTP, không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn trên địa bàn. Các chính sách, chế độ về bảo hiểm y tế được quan tâm và thực hiện tốt, tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95,1%.

2.4. Việc làm, đời sống của người lao động được cải thiện; an sinh xã hội được đảm bảo; công tác dân tộc, tôn giáo được chú trọng.

Hoạt động giới thiệu việc làm được đẩy mạnh triển khai; số lao động được giải quyết việc làm hằng năm đạt 57,9 nghìn lao động. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 24,8% năm 2021 xuống còn 21,5% năm 2025. Năng suất lao động ước đạt 221 triệu đồng, tăng bình quân 8,8%/năm. Đời sống của nhân dân được chăm lo, đảm bảo; thu nhập bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 5,7 triệu đồng/tháng, tăng 1,8 lần so với năm 2020. Các vấn đề an sinh xã hội được đặc biệt quan tâm, đối tượng chăm lo được mở rộng. Các chương trình, dự án về giảm nghèo được triển khai hiệu quả; các hộ nghèo được quan tâm hỗ trợ từ các cấp chính quyền và các nhà hảo tâm; tỷ lệ hộ nghèo năm 2025 còn 2,68%.

Công tác bảo trợ, trợ giúp xã hội tiếp tục được đặc biệt quan tâm; tỉnh đã hoàn thành hỗ trợ xây dựng 10,8 nghìn nhà tạm, nhà dột nát cho các hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ; đối tượng thuộc CTMTQG phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững; hộ nghèo, hộ cận nghèo. Chế độ chính sách với người có công và thân nhân được đảm bảo, kịp thời. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà, điều dưỡng phục hồi sức khỏe được thực hiện tốt. Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ đã được hỗ trợ nhà ở với 2.459 hộ. Công tác tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin được triển khai theo kế hoạch.

Các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai tốt. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được các cấp, các ngành triển khai hiệu quả. Huy động được trên 2.655 tỷ đồng triển khai các chương trình, chính sách; diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngày một khởi sắc, đời sống cho người dân miền núi, vùng sâu, vùng xa từng bước cải thiện, bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn, phát huy; đồng bào các dân tộc tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực, nhất là cuộc vận động chung sức xây dựng nông thôn mới.

3. Hoạt động khoa học và công nghệ

Các cấp, các ngành đã triển khai kịp thời Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Công tác quản lý khoa học công nghệ dần đổi mới, có trọng tâm, trọng điểm, giai đoạn 2021- 2025 đã huy động gần 603 tỷ đồng (vốn ngoài ngân sách 226,4 tỷ đồng) triển khai thực hiện 326 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh. Đẩy mạnh hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH-CN vào sản xuất và đời sống, trong đó đã hỗ trợ xây dựng 365 mô hình, tư vấn chuyển giao 281 quy trình công nghệ tiên tiến và 80 bộ giải pháp; các

tiền bộ khoa học và công nghệ từng bước được ứng dụng đưa vào thực tiễn sản xuất, trong đó có một số mô hình ứng dụng đã đem lại hiệu quả tích cực. Đẩy mạnh các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó tỉnh đã ký kết hợp tác hình thành, phát triển Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng Thủ đô và định kỳ tổ chức "Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo". Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) năm 2024 tỉnh Phú Thọ đứng thứ 15/34 tỉnh, thành phố.

Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số được triển khai tích cực. Hạ tầng số được quan tâm đầu tư, nâng cấp; các hệ thống thông tin dùng chung hoạt động hiệu quả; các nhiệm vụ Đề án 06 được triển khai đồng bộ, liên thông, chia sẻ với CSDL Quốc gia về dân cư; nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC¹⁵. Kinh tế số tiếp tục phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đều ứng dụng công nghệ số vào hoạt động quản lý, sản xuất, phân phối sản phẩm. Phát triển xã hội số bước đầu đạt kết quả tích cực; hình thành thói quen, kỹ năng sử dụng dịch vụ trên môi trường số; cơ bản đáp ứng tốt một số dịch vụ (*khám, chữa bệnh; kê khai và nộp thuế, khai báo hải quan, kho bạc, bảo hiểm điện tử...*).

4. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được lập và tổ chức thực hiện tốt. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất triển khai theo quy định, trong đó UBND tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với công trình, dự án có sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa trở lên và trình HĐND thông qua các nghị quyết về danh mục dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, rừng sản xuất theo thẩm quyền. Các cấp, các ngành đã cam kết và vào cuộc mạnh mẽ để tháo gỡ nút thắt về giải phóng mặt bằng; nhiều cơ chế, chính sách cụ thể hóa các quy định của pháp luật đã được HĐND, UBND tỉnh ban hành. Công tác giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được đơn giản hóa tối đa quy trình giải quyết, ứng dụng công nghệ thông tin. Tiến độ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai, đề án đo đạc lập hồ sơ và cơ sở dữ liệu địa chính được đẩy mạnh. Những tồn đọng, xác định ranh giới đất nông, lâm trường được tập trung giải quyết. Tăng cường xử lý vướng mắc khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận cho người sử dụng đất...

Quản lý nhà nước về khoáng sản được chú trọng. Thực hiện cấp mới, gia hạn, điều chỉnh và chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tạm dừng, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản; đóng cửa điểm mỏ khai thác khoáng sản được cấp phép; phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh... theo quy định. Tài nguyên nước được quản lý tốt, tiến hành giám sát trám lấp các công trình giếng khoan không sử dụng; điều chỉnh, bổ sung danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp; phê duyệt, điều chỉnh danh

¹⁵ Toàn tỉnh có 100% dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia 5.952 dịch vụ (tăng 70% dịch vụ so với năm 2020); thuộc nhóm các địa phương có chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tốt nhất cả nước

mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt tại các công trình khai thác nước phục vụ sinh hoạt;...

Bảo vệ môi trường được quan tâm. Nhiều kế hoạch, đề án về bảo vệ môi trường phân loại rác tại nguồn, quản lý chất thải nhựa, bảo vệ môi trường lưu vực sông... được thực hiện. Trên địa bàn tỉnh không phát sinh các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nhà máy xử lý rác thải Tam Hồng và Hợp Hòa đã được mở rộng, nâng công suất. Những vướng mắc trong quá trình triển khai nhà máy xử lý rác thải Lập Thạch, nhà máy điện rác Trạm Thản tiếp tục được tháo gỡ. Công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu luôn được chú trọng, lồng ghép vào các quy hoạch, kế hoạch và ưu tiên nguồn lực để triển khai đảm bảo an toàn cho dân sinh, sản xuất.

5. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác sắp xếp tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp được triển khai đồng bộ, đúng kế hoạch. Sau sắp xếp, toàn tỉnh có 148 xã, phường, giảm 331 đơn vị so với trước. Cơ cấu tổ chức, bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp tinh gọn, hiệu quả¹⁶. Các cấp, các ngành trong tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện đảm bảo bộ máy vận hành ổn định, liên tục, không bị gián đoạn. Chức năng, nhiệm vụ các sở, ngành được tiến hành điều chỉnh, khắc phục tình trạng chồng chéo; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; điều động, tăng cường, biệt phái công chức, viên chức được quan tâm, kịp thời khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ cán bộ, công chức giữa các xã, phường; quy hoạch, thu hút, đào tạo, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và thực thi công vụ. Bộ máy chính quyền các cấp có sự đổi mới, theo hướng sâu sát, quyết liệt, chủ động, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm.

Công tác kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh. Kịp thời phát hiện, khắc phục, chấn chỉnh những sai phạm, góp phần chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương; công khai và thực hiện nghiêm túc lịch tiếp công dân; nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài được xem xét, giải quyết dứt điểm. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các kết luận, chỉ đạo của Trung ương, kế hoạch của tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; quyết liệt xử lý, khắc phục các sai phạm do lịch sử để lại và kiên quyết xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm phát sinh mới.

Công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị được chú trọng triển khai. Tích cực rà soát và ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa chính sách, pháp luật trên địa bàn nhất là trong bối cảnh hợp nhất các tỉnh; 5 năm qua, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 1.035 văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện rà soát 1.367 văn bản,

¹⁶ Sau sắp xếp, UBND tỉnh Phú Thọ có 14 cơ quan chuyên môn và 02 tổ chức hành chính khác, 10 đơn vị sự nghiệp công lập; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có 119 phòng nghiệp vụ, 16 chi cục, 249 đơn vị sự nghiệp công lập. Toàn tỉnh giảm từ 2.761 đơn vị xuống còn 2.392 đơn vị, giảm 370 đơn vị, tăng 01 đơn vị (tổng giảm 369 đơn vị), trong đó: giảm 361 đơn vị NSNN bảo đảm chi thường xuyên, giảm 08 đơn vị NSNN bảo đảm một phần chi thường xuyên.

bãi bỏ hoặc tham mưu bãi bỏ 243 văn bản (trong đó 51 nghị quyết, 168 quyết định và 24 Chỉ thị); tổ chức trên 1.750 hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật. Công tác giám định tư pháp có sự chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng, đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc được kiện toàn. Quản lý hiệu quả và thực hiện tốt các hoạt động công chứng theo quy định. Trên địa bàn tỉnh có 20 tổ chức hành nghề đấu giá (trong đó 02 Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản là 18 doanh nghiệp đấu giá tài sản) đã và đang triển khai tốt các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

6. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và hoạt động đối ngoại

a) Quốc phòng được đảm bảo. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc được xây dựng hiệu quả. Lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện; tổ chức lực lượng thường trực theo hướng tinh, gọn, mạnh; nắm chắc tình hình, đấu tranh có hiệu quả với âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng được thực hiện tốt; hằng năm tỉnh hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân. Xây dựng lực lượng dự bị động viên “vững mạnh, chất lượng”, lực lượng dân quân tự vệ “vững mạnh, rộng khắp”. Tổ chức thành công nhiều cuộc diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, các cuộc diễn tập phòng thủ cấp huyện và diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

b) An ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Công tác đảm bảo an ninh được thực hiện tốt; tình hình an ninh chính trị, nội bộ, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh dân tộc, tôn giáo... được đảm bảo. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai đồng bộ, hiệu quả, tệ nạn xã hội giảm 7,0% so với giai đoạn trước, tỷ lệ điều tra khám phá án đạt 86,2%. Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được đổi mới theo hướng chuyên đổi số; triển khai tốt Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia; tập trung làm sạch Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”. Quản lý tốt việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, các hoạt động đầu tư, kinh doanh có điều kiện và quản lý cư trú. Triển khai tổng thể các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo đó tai nạn giao thông giảm trên cả 03 tiêu chí. Phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được đẩy mạnh. Chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ tư pháp, thi hành án hình sự và các biện pháp đảm bảo tái hòa nhập cộng đồng được nâng lên. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, toàn tỉnh có 5.049 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở với 15.415 thành viên đã góp phần bảo đảm an ninh, trật tự ngay từ cơ sở. Triển khai xây dựng xã, thị trấn điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, phường điển hình kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị; tổ chức tự quản về an ninh trật tự ở xã, phường, thị trấn.

c) Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu và thực chất. Công tác thông tin đối ngoại, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh, các chính sách thu hút đầu tư, văn hóa con người Đất Tổ được triển khai thường xuyên. Các hoạt động quản lý đoàn ra, đoàn vào, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế, ký kết thỏa thuận quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước và quy định của tỉnh. Các hoạt động ngoại giao kinh tế,

văn hóa được triển khai phong phú, đa dạng và đạt được kết quả quan trọng, góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh của tỉnh trên trường quốc tế. Hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, củng cố, phát triển các mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp với các địa phương nước ngoài như: tỉnh Tochigi, tỉnh Nara (Nhật Bản); vùng Toscana (Italia); tỉnh Pernik (Bungari); tỉnh Mayabeque (Cuba); tỉnh Luông Nậm Thà, Luông Pha Băng, Hủa Phăn (Lào), tỉnh Sơn Tây (Trung Quốc), tỉnh Hwaseong (Hàn Quốc) và tỉnh TUV (Mông Cổ)...

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Với sự sáng tạo, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền các cấp, tình hình kinh tế- xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Phú Thọ đã đạt được kết quả quan trọng, khá toàn diện: **(i)** Kinh tế tăng trưởng khá; quy mô kinh tế, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực; sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển, gia tăng sản phẩm công nghiệp có công nghệ, giá trị gia tăng cao; các ngành dịch vụ ổn định, hình thành một số cơ sở dịch vụ có chất lượng cao; kim ngạch xuất khẩu thuộc nhóm các địa phương có giá trị lớn của cả nước; nông nghiệp theo hướng hàng hóa, tập trung, ứng dụng khoa học công nghệ, liên kết theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị sản phẩm; **(ii)** Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng đạt nhiều kết quả tích cực đã và đang tạo sự chuyển biến rõ rệt về năng lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư và sản xuất kinh doanh. Lập, quản lý và thực hiện quy hoạch được quan tâm, mở ra không gian phát triển mới cho tỉnh. Huy động nguồn lực đầu tư đạt kết quả tích cực, thu hút nhiều dự án có quy mô, tạo động lực lớn cho phát triển kinh tế- xã hội. Kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội được quan tâm đầu tư, hoàn thiện, nhất là hạ tầng giao thông kết nối; hạ tầng y tế, văn hóa, giáo dục, du lịch; xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới theo hướng văn minh, hiện đại. **(iii)** Tài nguyên, khoáng sản được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả; năng lực phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu được tăng cường. **(iv)** Công tác sắp xếp tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp được triển khai đúng kế hoạch; cải cách hành chính nhất là cải cách thủ tục hành chính được thực hiện quyết liệt; hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động bộ máy chính quyền các cấp được tăng cường; xây dựng chính quyền số, xã hội số đạt kết quả tích cực. **(v)** Sự nghiệp văn hóa - xã hội, giáo dục- đào tạo, y tế có tiến bộ; chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế được nâng lên; các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy hiệu quả. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện và từng bước được nâng lên. **(vi)** Chính trị- xã hội ổn định; quốc phòng được củng cố, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; hoạt động đối ngoại được tăng cường, mở rộng.

2. Hạn chế, yếu kém

(1) Về phát triển kinh tế: Tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách đạt mức khá, tuy nhiên chưa thật sự bền vững, phụ thuộc chủ yếu vào một số sản phẩm chủ lực, đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm; sản phẩm gia công, giá trị gia tăng thấp còn nhiều. Dịch vụ tăng trưởng

chưa tương xứng tiềm năng, lợi thế, tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế còn thấp, du lịch còn mang tính thời vụ. Sản xuất nông nghiệp quy mô còn nhỏ, ứng dụng công nghệ còn hạn chế. Quản lý nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng, đô thị ở một số địa phương chưa chặt chẽ. Phát triển mạng lưới cấp nước sạch tập trung khu vực nông thôn còn khó khăn. Chính trang đô thị chưa đồng bộ; còn thiếu các công trình mang tính hiện đại, tạo điểm nhấn. Phát triển nhà ở xã hội chưa đạt như kỳ vọng. Chất lượng một số tuyến đường giao thông còn hạn chế. Quản lý, sử dụng tài nguyên, môi trường vẫn còn có những bất cập; ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát hiệu quả. Khả năng ứng phó, giảm thiểu tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu. Kết cấu hạ tầng ở một số khu vực còn phân tán, thiếu kết nối, nhất là giao thông liên tỉnh và logistics trung chuyển. Giải phóng mặt bằng vẫn là “điểm nghẽn”, ảnh hưởng đến tiến độ nhiều dự án. Chưa thu hút được nhiều dự án quy mô lớn, đóng vai trò dẫn dắt. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa.

(2) Về phát triển văn hóa - xã hội: Các thiết chế văn hóa, thể thao có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức; công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa phát triển chưa tương xứng tiềm năng; môi trường văn hóa chưa thực sự lành mạnh. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phát triển chậm, sản phẩm khoa học công nghệ ứng dụng hiệu quả còn hạn chế. Cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử chưa đáp ứng yêu cầu. Mạng lưới trường học chưa toàn diện, hệ thống trường lớp vùng miền núi, vùng sâu và dân tộc thiểu số thiếu đồng bộ; các cơ sở giáo dục phục vụ con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu; cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên còn thiếu, nhất là đối với môn học đặc thù (tin học và tiếng Anh). Giáo dục ngoại ngữ, tin học chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và yêu cầu hội nhập quốc tế; Giáo dục nghề nghiệp thiếu nền tảng chất lượng cao, chưa có trường đại học trọng điểm, thiếu mô hình đại học ứng dụng và trung tâm nghiên cứu - đổi mới sáng tạo. Chất lượng nguồn nhân lực chuyển biến chậm, thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật cao, chất lượng đào tạo nghề chưa theo kịp thị trường lao động. Nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế,... Còn thiếu trang thiết bị y tế hiện đại đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh chuyên sâu; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm còn hạn chế. Đời sống, việc làm của một bộ phận người dân còn khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn ở mức cao.

(3). Về quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội: Bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa được chú trọng đúng mức. Tình hình an ninh trật tự ở một số địa bàn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Nắm tình hình, xử lý các vấn đề an ninh trật tự ở cơ sở có việc chưa chặt chẽ, chưa kịp thời. Tội phạm liên quan đến công nghệ cao, lừa đảo trên không gian mạng có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp.

3. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém

3.1. Nguyên nhân khách quan:

Tình hình thế giới, khu vực biến động nhanh, khó lường, vượt khả năng dự báo; thiên tai, dịch bệnh có thời điểm diễn biến phức tạp; tác động của đứt

gãy chuỗi cung ứng trong thời kỳ đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất, tiêu dùng và đời sống của nhân dân.

Địa bàn tương đối rộng, phần lớn diện tích là địa hình đồi núi (khoảng 73,5%), hạ tầng giao thông kết nối nội tỉnh còn khó khăn, một số tuyến kết nối liên tỉnh vẫn chưa được hoàn thiện. Còn có sự chênh lệch lớn về trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế và hạ tầng cơ sở giữa các khu vực.

Nhiều vấn đề mới, khó, phát sinh trong quá trình thực hiện trong khi những vướng mắc và một số cơ chế, chính sách còn mâu thuẫn, thiếu đồng bộ.

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số nơi chưa quyết liệt, chưa sáng tạo.

Nhiều yếu kém, bất cập tích tụ từ trước chưa được xử lý triệt để, gây hệ lụy kéo dài. Phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có việc chưa kịp thời.

Tinh thần, trách nhiệm của một số người đứng đầu và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ chưa cao, có tình trạng né tránh, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Những thuận lợi

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tỉnh Phú Thọ được xây dựng trong bối cảnh có những thuận lợi cơ bản:

(i) Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn; toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ; lực lượng sản xuất mới, nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá; xu thế đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực... ngày càng được các nước quan tâm, thúc đẩy;

(ii) Đất nước có sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về tư duy phát triển trên tất cả các lĩnh vực; các đột phá chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm về hoàn thiện thể chế, phát triển kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, cuộc cách mạng về mô hình tổng thể và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị,... đang tạo cơ hội lịch sử cho sự phát triển đột phá mạnh mẽ, đưa đất nước bước vào Kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

(iii) Tỉnh Phú Thọ là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá, cách mạng, có vị trí thuận lợi, nằm tiếp giáp với thành phố Hà Nội, tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế nổi trội như: Tiếp giáp với 07 tỉnh, thành phố, nằm trên các hành lang kinh tế lớn của cả nước, đặc biệt là gần Thủ đô Hà Nội, tạo điều kiện tiếp cận thị trường rộng lớn với khoảng 30 triệu dân. Hạ tầng kết nối liên vùng đa dạng (đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường thủy nội địa, gần Cảng

hàng không quốc tế Nội Bài). Hệ sinh thái tự nhiên phong phú, địa hình đa dạng với nhiều sông lớn chảy qua, nhiều danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử và các khu, điểm du lịch nổi tiếng cả nước. Hội tụ đầy đủ các sắc thái văn hóa đặc trưng của vùng trung du, miền núi và đồng bằng Bắc Bộ. Quy mô, chất lượng giáo dục thuộc nhóm đầu cả nước, cơ cấu dân số trẻ, nguồn lực lao động dồi dào. Đã có hệ sinh thái một số ngành công nghiệp trọng điểm của cả nước. Nhiều khu công nghiệp, khu đô thị mới đã và đang hình thành,...

(iv) Quá trình phát triển, tỉnh Phú Thọ tiếp tục nhận được sự quan tâm của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành và các tỉnh, thành phố trong cả nước;

(v) Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân; sự ổn định về chính trị, xã hội tiếp tục là điều kiện, là động lực cho sự nghiệp phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

2. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những thuận lợi, dự báo sẽ có những khó khăn, thách thức đặt ra nhiều thách thức và tạo áp lực lớn trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2026- 2030 của tỉnh, đó là:

(i) Cục diện thế giới đang chuyển biến nhanh, phức tạp. Các nước lớn và các trung tâm quyền lực tiếp tục điều chỉnh chiến lược, vừa cạnh tranh vừa hợp tác, thoả hiệp, song cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt hơn. Xung đột, chiến tranh, chạy đua vũ trang công nghệ cao diễn ra ở nhiều khu vực, nguy hiểm hơn, không loại trừ nguy cơ chiến tranh. Chủ nghĩa bảo hộ, chính sách thuế quan áp đặt, nguy cơ chiến tranh thương mại đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương là khu vực trọng điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, trong đó có Biển Đông phức tạp.

(ii) Ở trong nước, dự báo sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thậm chí có những mặt gay gắt, nặng nề hơn so với giai đoạn trước. Phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững. Nguy cơ tụt hậu, nhất là về công nghệ và rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Tư duy phát triển chưa theo kịp các xu thế phát triển của thế giới, phản ứng chính sách chưa kịp thời, chậm điều chỉnh và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong giai đoạn mới. Quá trình già hoá dân số diễn ra nhanh hơn so với dự báo. Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên một số lĩnh vực vẫn còn diễn biến phức tạp, nghiêm trọng.

(iii) Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, những vấn đề về an ninh phi truyền thống ngày càng gay gắt và khó lường hơn.

(iv) Sau hợp nhất tỉnh có diện tích tương đối rộng, địa hình chủ yếu là đồi núi, có sự chia cắt giữa một số vùng, miền; kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối, giao thông ở các khu vực miền núi; kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn nhiều khó khăn; chất lượng nguồn nhân lực chưa cao; trình độ phát triển kinh tế - xã hội, mức sống, chất lượng nguồn nhân lực giữa các vùng miền có sự chênh lệch, khác biệt lớn;

(v) Độ mở của nền kinh tế tỉnh tương đối lớn trong khi chất lượng tăng

trường, thu ngân sách nhà nước chưa thực sự bền vững, phụ thuộc vào khu vực đầu tư nước ngoài; quy mô khu vực kinh tế tư nhân chủ yếu quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ, năng lực cạnh tranh, trình độ quản trị thấp; cạnh tranh trong thu hút đầu tư với các địa phương lân cận ngày càng gay gắt hơn và nhiều tồn tại từ giai đoạn trước phải tập trung giải quyết;...

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đến năm 2030, Phú Thọ là một trong những cực tăng trưởng của vùng Thủ đô và vùng Trung du miền núi phía Bắc; trở thành trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, logistics, du lịch, y tế, đào tạo chất lượng cao và tổ chức lễ hội văn hóa lớn gắn với cội nguồn dân tộc; trung tâm tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế. Kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế tư nhân làm động lực chính. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị. Xã hội phát triển hài hòa, môi trường sinh thái trong lành, chất lượng cuộc sống được nâng lên toàn diện, Nhân dân có thu nhập cao, văn minh, hạnh phúc. Giữ vai trò trụ cột trong bảo đảm an ninh năng lượng, quốc phòng, an ninh và kết nối vùng.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ tiêu lĩnh vực kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP theo giá so sánh giai đoạn 2026 - 2030 phân đầu khoảng 11 - 12%/năm.

(2) Quy mô tổng sản phẩm (GRDP) phân đầu cao gấp hơn 2 lần so với năm 2025.

(3) GRDP bình quân đầu người cao gấp hơn 2 lần so với năm 2025, phân đầu đạt khoảng 220 - 230 triệu đồng.

(4) Đóng góp của nhân tố TFP vào tăng trưởng giai đoạn 2026 -2030 khoảng 55 - 60%; đóng góp của kinh tế số đạt trên 30% GRDP.

(5) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt trên 910.000 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên GRDP năm 2030 phân đầu đạt 41%.

(6) Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân trên 10%/năm, đến năm 2030 phân đầu đạt trên 85.000 tỷ đồng.

(7) Đến năm 2030 tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên 45.000 doanh nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân khu vực kinh tế tư nhân phân đầu đạt trên 12%/năm.

(8) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt 35 - 40%.

(9) Hoàn thành chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội”.

(10) Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt từ 0,75 trở lên; tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 80%.

(11) Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2030 phân đầu đạt trên 85%, trong đó trên 40% số xã đạt chuẩn nông thôn nâng cao.

2. Chỉ tiêu lĩnh vực văn hóa – xã hội

(1) Quy mô dân số đến năm 2030 dự kiến 4,2 triệu người.

(2) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đến năm 2030 đạt khoảng 76 năm; thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 69 năm.

(3) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 trên 8,7 triệu đồng/tháng.

(4) Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 phấn đấu đạt 0,78.

(5) Chỉ số phát triển và hạnh phúc (VDHI) đến năm 2030 đạt tối thiểu 85 điểm, thuộc nhóm phát triển khá cao và hạnh phúc.

(6) Số lao động có việc làm trong nền kinh tế năm 2030 đạt 2,4 triệu người. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo phấn đấu đạt trên 80 - 85%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40 - 45%.

(7) Tỷ lệ thất nghiệp từ 0,9 - 1,1%.

(8) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân trên 12%/năm.

(9) Phấn đấu đến năm 2030, số bác sĩ/vận dân phấn đấu đạt 19 bác sĩ; số giường bệnh/vận dân đạt 50 giường bệnh.

(10) Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%.

(11) Đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025).

(12) Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt trên 95%.

3. Các chỉ tiêu lĩnh vực môi trường

(1) Đến năm 2030, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung phấn đấu đạt 100%.

(2) Đến năm 2030, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt trên 95%.

(3) Đến năm 2030, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn ở khu vực đô thị đạt 100%.

(4) Đến năm 2030, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn ở khu vực nông thôn đạt trên 85%.

(5) Đến năm 2030, tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(6) Đến năm 2030, tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(7) Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải nguy hại và tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

(8) Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 42,5%.

(Hệ thống các chỉ tiêu chi tiết có phụ lục kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Xây dựng mới chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tổng thể của tỉnh bài bản, khoa học, mang tầm nhìn dài hạn; hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng bộ với các chiến lược liên kết Tây Bắc - Hà Nội - Bắc Trung Bộ - hành lang kinh tế Lào - Việt.

2. Định hình không gian phát triển đô thị theo hướng mở, gắn với xây

dựng các trục cảnh quan, công trình kiến trúc đặc sắc và tăng cường kết nối với các đô thị lớn, trong đó:

- Mở rộng vùng lõi đô thị trung tâm tỉnh theo hướng Việt Trì - Vĩnh Yên (trước đây), kết nối chặt chẽ với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Quy hoạch, phát triển các đô thị lớn hai bên sông Lô, sông Hồng, sông Đà và hai bên tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt Lào Cai - Hà Nội qua địa bàn tỉnh, trong đó: Xây dựng mới, chỉnh trang các cầu kết nối qua sông với hình thái kiến trúc đặc sắc. Hình thành các công viên chuyên đề, không gian văn hóa, sáng tạo, nghệ thuật, giải trí và du lịch dọc ven sông. Phát triển đô thị theo chức năng đặc thù như đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), đô thị khoa học công nghệ, đô thị du lịch, đô thị công nghiệp,... khu vực phụ cận các nhà ga đường sắt tốc độ cao Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng. Quy hoạch và xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các tiêu chí đô thị thông minh, trong đó quan tâm đặc biệt đến hạ tầng tiêu thoát nước.

- Hình thành công trình biểu tượng tầm quốc gia trên cơ sở xây dựng “Quần thể văn hóa, tâm linh trở về cội nguồn dân tộc Việt Nam” tại trung tâm tỉnh để tái hiện lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước, giới thiệu các đặc trưng văn hóa đặc sắc của tỉnh, gồm các chức năng chính như: Nơi thờ tự các vị vua của tất các triều đại Việt Nam; bảo tàng văn hóa, dân tộc; không gian trưng bày và trình diễn các di sản văn hóa phi vật thể.

3. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân. Phát triển các vùng động lực, hành lang kinh tế trên cơ sở phát huy thế mạnh các khu vực của tỉnh trong một chỉnh thể thống nhất, bổ trợ lẫn nhau. Tập trung cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tháo gỡ các “điểm nghẽn”, giải phóng các nguồn lực. Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và bình đẳng. Quyết liệt tháo gỡ nút thắt trong giải phóng mặt bằng. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Phát triển văn hóa, nguồn lực con người thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa trở thành ngành kinh tế có thế mạnh của tỉnh. Khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển quê hương. Phát huy giá trị lịch sử gắn với bảo tồn các di sản văn hóa. Tăng cường an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và hiệu quả hoạt động đối ngoại.

V. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính.

2. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tiên phong trong ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại với trọng tâm là phát triển nhanh hạ tầng số, hạ tầng các khu công nghiệp, hạ tầng logistics, hạ tầng giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và hạ tầng đô thị mới.

VI. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

1.1. Thúc đẩy tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Ban hành các cơ chế, chính sách nhằm khai thác, phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng và các nguồn lực xã hội của tỉnh, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và phát triển mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới. Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực và nguồn lực chủ yếu để phát triển nhanh và bền vững; tập trung cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, trong đó ưu tiên các ngành có giá trị gia tăng cao, như: công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, nông nghiệp sinh thái - thông minh, dịch vụ logistics, thương mại điện tử, du lịch chất lượng cao, tạo ra năng lực, động lực sản xuất kinh doanh mới. Triển khai hiệu quả một số mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới sáng tạo là các yếu tố động lực, nguồn lực chủ yếu để phát triển nhanh và bền vững. Phân đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, nhất là 5 chỉ tiêu cơ bản gồm: tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước, giải ngân vốn đầu tư công, thu nhập bình quân đầu người và giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Tập trung cơ cấu lại và phát triển các ngành kinh tế, trong đó:

+ Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, năng suất và chất lượng, đưa Phú Thọ trở thành trung tâm công nghiệp lớn của cả nước về công nghiệp ô tô - xe máy, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ số và công nghiệp công nghệ cao. Phát triển ít nhất 01 khu công nghiệp công nghệ cao tại khu vực Vĩnh Phúc (cũ) để thu hút đầu tư các ngành công nghiệp mới nổi như chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Đa dạng và nâng cao sức cạnh tranh một số sản phẩm công nghiệp chủ lực (linh kiện điện tử; ô tô cao cấp, mô tô và linh kiện phụ tùng; cơ khí chế tạo; chế biến thịt các loại và sữa; chế biến nông, lâm sản, dược phẩm; vật liệu xây dựng mới). Hỗ trợ, thúc đẩy các ngành công nghiệp truyền thống (hóa chất, giấy, vật liệu xây dựng) đổi mới công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Duy trì năng lực sản xuất điện của các dự án điện hiện hữu; tiếp tục đầu tư mở rộng, phát triển các dự án thủy điện, điện sinh khối, điện rác theo quy hoạch, đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Liên kết với các địa phương lân cận phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến chè; xây dựng Phú Thọ trở thành trung tâm chế biến gỗ, giấy của vùng. Nghiên cứu, lựa chọn thu hút đầu tư vào một số lĩnh vực, ngành nghề mới, như: sản xuất vắc-xin, máy móc thiết bị y tế công nghệ cao; thiết bị bóc, xếp hàng hóa phục vụ ngành logistics.

+ Phát triển ngành dịch vụ theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; đưa Phú Thọ trở thành một trong những trung tâm thương mại, logistics của vùng, quốc gia. Nghiên cứu hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), Khu thương mại tự do, trung tâm thương mại tự do thế hệ mới tại tỉnh.

Phát triển chợ đầu mối, trung tâm bán buôn, bán lẻ (nhất là tại Thổ Tang, Tề Lỗ), các chợ hạng 1 và hình thành các trục thương mại gắn với hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội. Khai thác hiệu quả lợi thế tiếp giáp với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và cửa ngõ của Thủ đô Hà Nội để trở thành trung tâm tổ chức sự kiện, lễ hội tầm cỡ quốc gia, quốc tế (biểu diễn âm nhạc, thi đấu thể thao, tổ chức các giải golf...). Xây dựng chiến lược phát triển và tạo bản sắc, thương hiệu đi kèm đến du lịch tỉnh Phú Thọ theo hướng “Dịch vụ chất lượng - Sản phẩm khác biệt - Hiệu quả bền vững”, đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển 2 trục “du lịch văn hóa tâm linh” gắn với truyền thuyết “Tứ bất tử”¹⁷. Liên kết các vùng du lịch trọng điểm gồm: Tây Thiên, Tam Đảo, Đại Lải, Việt Trì, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Tân Sơn, hồ Hòa Bình, Đà Bắc, Mai Châu. Tập trung phát triển sản phẩm du lịch trọng điểm: Du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe (Kim Bôi, Đại Lải, Tam Đảo); du lịch trải nghiệm văn hóa bản địa gắn với văn hóa Mường (Hòa Bình cũ), hát Xoan - Gheo (Phú Thọ cũ) và làng nghề truyền thống gắn với văn hóa xứ Đoài (Vĩnh Phúc cũ); du lịch sinh thái gắn với vườn Quốc gia Xuân Sơn, Tam Đảo; du lịch MICE (Việt Trì, Vĩnh Yên, Tam Đảo, Đại Lải, Hòa Bình cũ), du lịch đường thủy trên sông Đà, sông Lô, hồ Hòa Bình. Tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch thường niên cấp vùng như Festival văn hóa Tây Bắc, tuần lễ du lịch Đền Hùng - Tam Đảo - Mai Châu. Hoàn thiện các điều kiện, đề nghị công nhận thêm 02 khu du lịch quốc gia. Phấn đấu 5 năm có 84,2 triệu lượt khách du lịch, trong đó tổng lượt khách lưu trú là 30,3 triệu lượt khách với tổng thu từ du lịch đạt khoảng 99,8 nghìn tỷ đồng. Phát triển các sản phẩm “kinh tế đầu bạc”, tập trung vào xây dựng các bệnh viện, trung tâm điều dưỡng, cơ sở dưỡng lão cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Triển khai các sản phẩm “kinh tế ban đêm” như biểu diễn nghệ thuật, âm nhạc, giải trí, ẩm thực, mua sắm, các trải nghiệm văn hóa đêm tại các khu, điểm du lịch trọng điểm Tam Đảo, Mai Châu, Thanh Thủy, Đại Lải và các đô thị lớn của tỉnh.

+ Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững, sinh thái theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn và giá trị cao gắn với xây dựng NTM hiện đại, nông dân văn minh và phát triển hợp tác xã kiểu mới. Tổ chức sản xuất theo chuỗi, phát huy lợi thế so sánh, phát triển đa dạng sản phẩm, hình thành các khu sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn gắn với chế biến sâu; các cây trồng, vật nuôi chủ lực¹⁸. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, đặc sản, hữu cơ, theo tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, GlobalGAP,...)¹⁹, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực. Đẩy mạnh phát triển làng nghề, đa dạng các hình thức liên kết, khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Chú trọng phát triển các cây dược liệu; chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế lâm nghiệp đa mục

¹⁷ (i) Đền Hùng - Ba Vì - Hòa Bình; (ii) Đền Hùng - Tam Đảo - Sóc Sơn. Hình thành hành lang xanh du lịch Tam Đảo - Đền Hùng - Kim Bôi - Mai Châu.

¹⁸ Bưởi, cam, chuối, chè...; gia cầm; bò thịt; bò sữa; lợn thịt; cá lòng sông Đà; gỗ và sản phẩm từ gỗ;...

¹⁹ Hồng Gia Thanh, mía tím, thanh long ruột đỏ, quế, giổi, dược liệu dưới tán rừng; cá nước lạnh, tôm càng xanh, gà nhiều cựa, gà Lạc Thủy, lợn bản địa, dê, thỏ, ong...

tiêu gắn với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Duy trì ổn định độ che phủ rừng đạt 42,5%; nghiên cứu, thiết lập các chương trình, dự án tham gia thị trường tín chỉ carbon, tạo nguồn thu ổn định cho cộng đồng địa phương. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP, thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn.

1.2. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, tài sản công và sử dụng vốn đầu tư công.

Tăng cường quản lý, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại; chống lãng phí, tiêu cực trong quản lý ngân sách; khai thác các nguồn thu mới, các nguồn thu còn dư địa (cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể, tài nguyên, đẩy mạnh thương mại điện tử,...). Nâng cao hiệu quả chi ngân sách, từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kiểm kê tài sản công và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh; rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất không để thất thoát, lãng phí.

Ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho lĩnh vực sản xuất – kinh doanh, các ngành kinh tế trọng điểm, lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ, của tỉnh, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo, du lịch – dịch vụ và nhà ở xã hội; phân đầu tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động trên địa bàn hằng năm đạt 11-13%; tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay nền kinh tế hằng năm đạt 12-14%; nợ xấu dưới 2%/tổng dư nợ cho vay nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để tăng khả năng tiếp cận tín dụng, giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung bố trí vốn triển khai những nhiệm vụ, công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm để tạo sự lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội; kiên trì thực hiện phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”; khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, kéo dài

1.3. Phát triển các thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để thu hút các nguồn lực đầu tư

Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi theo quy định của pháp luật để các thành phần kinh tế phát triển nhanh, bền vững; bảo đảm tính bình đẳng về quyền lợi và cơ hội kinh doanh, nhất là trong tiếp cận vốn, đất đai, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực hợp pháp khác.

+ *Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế của tỉnh.* Tập trung cụ thể hóa, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; kiến tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi

nhất cho doanh nghiệp đầu tư, phát triển; khuyến khích khởi nghiệp; tập trung cải cách hành chính theo hướng đơn giản hoá, giảm thời gian, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp, giảm chi phí gia nhập thị trường. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng, đa dạng hóa thị trường, tái cơ cấu sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, ứng dụng mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Hỗ trợ doanh nghiệp nội địa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để phát triển kinh tế tư nhân, cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước dồi dư với giá ưu đãi để làm trụ sở doanh nghiệp. Tăng cường, đẩy mạnh trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp thông qua hình thức “Phân phối lần 3”. Phần đầu khu vực kinh tế tư nhân có tốc độ tăng năng suất lao động đạt bình quân trên 12%/năm, đóng góp 55-58% GRDP của tỉnh, 35-40% tổng thu ngân sách nhà nước và 84-85% việc làm của tỉnh.

+ *Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* theo hướng thu hút đầu tư có chọn lọc; gắn kết với việc phát triển doanh nghiệp trong nước, dựa trên mối quan hệ tương hỗ; "không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế"; lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí lựa chọn. Ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có cam kết chuyển giao công nghệ; có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản phẩm và cung ứng toàn cầu. Hạn chế thu hút đầu tư các lĩnh vực khai thác khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên, sử dụng nhiều đất đai.

+ *Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, ở tất cả các ngành, lĩnh vực.* Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, ở tất cả các ngành, lĩnh vực. Tiếp tục rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách, khơi thông các “điểm nghẽn”, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tập thể phát triển bền vững, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chú trọng nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Khuyến khích, hỗ trợ để hộ gia đình, cá nhân kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

+ *Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước.* Hoàn thành việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ, triển khai việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

1.4. Hoàn thiện hệ thống quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với xây dựng, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới

a) Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống quy hoạch

Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo bài bản, khoa học, mang tầm nhìn chiến lược, dài hạn đồng bộ với các chiến lược liên kết vùng Tây Bắc, Hà Nội và Bắc Trung Bộ. Tổ chức quản lý hiệu quả các quy hoạch đô thị, nông thôn; điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành. Quy hoạch, phát triển 04

vùng động lực của tỉnh²⁰ và phát triển 5 hành lang kinh tế²¹ gắn với các vùng động lực của tỉnh để thúc đẩy tăng trưởng và hiệu ứng lan tỏa.

b) Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có sức lan tỏa lớn, có khả năng kết nối liên vùng, liên tỉnh

Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện các tuyến giao thông liên vùng, giao thông kết nối với các tuyến cao tốc, giao thông kết nối với các trung tâm đô thị, công nghiệp, du lịch, văn hóa và các ga đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao như: đường giao thông kết nối phường Việt Trì đi phường Hòa Bình; tuyến cao tốc CT03 từ Hoà Lạc – Mộc Châu; các nút giao lên xuống IC2, IC5 đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai; các cầu qua sông Lô, sông Hồng, sông Đà; các tuyến giao thông kết nối từ các nhà ga đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đến các nút giao đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Tuyên Quang - Phú Thọ; các tuyến đường song song với đường sắt Hà Nội - Lào Cai qua địa bàn tỉnh; các tuyến đường tránh quốc lộ, tránh qua đô thị; nâng cấp các tuyến quốc lộ đạt cấp II, mở rộng tối thiểu 4 - 6 làn xe đối với đoạn qua đô thị; các tuyến đường tỉnh cơ bản đạt cấp II, III; xây dựng, cải tạo các cầu yếu, cầu dân sinh khu vực miền núi; đầu tư hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc (đoạn qua tỉnh) theo quy hoạch; đầu tư các bến xe khách, bãi đỗ xe. Phối hợp hoàn thành tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng và tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT.02) từ Tuyên Quang – Phú Thọ - Hà Nội và các dự án giao thông kết nối nội vùng trong tỉnh quan trọng khác.

Quy hoạch, phát triển đồng bộ hạ tầng logistics, tập trung vào các đầu mối giao thông, khu công nghiệp. Xây dựng Khu trung tâm thương mại tự do (FTZ), các trung tâm logistics cấp vùng, kho ngoại quan, hệ thống kho vận, cơ sở phân phối hiện đại gắn với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, các ga của tuyến đường

²⁰ Bao gồm: **(i)** Vùng đô thị Việt Trì - Phú Thọ (cũ): Mở rộng vùng lõi đô thị trung tâm tỉnh theo hướng phát triển không gian đô thị Việt Trì - Vĩnh Yên. Tập trung phát triển dọc theo các tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai, cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 2. Giữ vai trò quan trọng trong liên kết phát triển khu vực phía Tây Bắc của tỉnh và kết nối với các tỉnh Tuyên Quang, Lào Cai. Là trung tâm chính trị - hành chính, văn hóa của tỉnh. Tập trung phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại, logistics, văn hóa, thể thao, giáo dục đào tạo, y tế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. **(ii)** Vùng đô thị Vĩnh Phúc (cũ): Mở rộng không gian đô thị kết nối với Việt Trì. Tập trung phát triển dọc theo tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường vành đai 5 - vùng Thủ đô, Quốc lộ 2. Giữ vai trò trong liên kết phát triển khu vực phía Đông Bắc của tỉnh và kết nối với Thủ đô Hà Nội, các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh. Là trung tâm kinh tế, tài chính, ngân hàng, trung tâm sản xuất công nghiệp ô tô, xe máy, điện tử, công nghiệp số, công nghiệp công nghệ cao của vùng và cả nước. Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, đô thị, thương mại, logistics, giáo dục đào tạo, y tế, thể thao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. **(iii)** Vùng đô thị Hòa Bình - Lương Sơn (cũ): Tập trung phát triển dọc theo các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây, cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, đường vành đai 5, Quốc lộ 6, Quốc lộ 21A. Giữ vai trò quan trọng trong liên kết phát triển khu vực phía Nam của tỉnh và kết nối với Thủ đô Hà Nội, các tỉnh Thanh Hóa, Sơn La. Tập trung phát triển vùng trở thành trung tâm công nghiệp điện, công nghiệp công nghệ cao, văn hóa, du lịch sinh thái, logistics. **(iv)** Vùng phía Tây Phú Thọ và Hoà Bình (cũ): Tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, nông sản chất lượng cao, công nghiệp chế biến nông sản và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khám phá.

²¹ Bao gồm: **(i)** Hành lang kinh tế phía Bắc (thuộc hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) gắn với các tuyến giao thông chính, các đô thị, trung tâm công nghiệp - dịch vụ, các khu công nghiệp quan trọng; **(ii)** Hành lang kinh tế trung tâm (thuộc hành lang kinh tế theo đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây) gắn với tuyến giao thông kết nối trục dọc Bắc - Nam ở trung tâm tỉnh, các đô thị và tuyến giao thông kết nối Việt Trì - Tam Nông - Thanh Thủy - Hòa Bình; **(iii)** Hành lang kinh tế phía Đông gắn với Quốc lộ 2C, Đường vành đai 5 - Vùng Thủ đô và cao tốc phía Tây; **(iv)** Hành lang kinh tế phía Nam (thuộc hành lang kinh tế Điện Biên – Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội); **(v)** Hành lang kinh tế - sinh thái (kết nối Việt Trì - Hòa Bình).

sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, các tuyến giao thông chiến lược và các khu vực sản xuất hàng hóa lớn; sớm hoàn thành dự án Trung tâm Logistics ICD Bình Xuyên, mở rộng dự án Trung tâm Logistics ICD Việt Trì. Chuẩn bị sẵn hạ tầng đón đầu xu hướng thương mại điện tử và chuyển đổi số. Từng bước xây dựng, hiện đại hóa hệ thống cảng trên các sông lớn²² để tăng cường khả năng vận tải đường thủy, giảm chi phí vận chuyển cho hàng hóa số lượng lớn.

Tập trung đầu tư để phát triển các vùng du lịch trọng điểm của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tập trung phát triển, nâng cấp hạ tầng các vùng du lịch trọng điểm của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại; đưa Phú Thọ trở thành trung tâm tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch tầm cỡ quốc gia, quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khu du lịch tại Tam Đảo II, Đại Lải, Thanh Thủy, Đầm Ao Châu, Ngòi Hoa, Hương Bình. Khai thác và phát huy giá trị của hồ Đầm Vạc, Hòa Bình, Thanh Lanh, Làng Hà, Bò Lạc, Vân Trục,... Đầu tư phát triển các sân golf theo quy hoạch.

Phát triển hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, thông minh và sinh thái, nâng cao chất lượng đô thị hóa. Xây dựng và thực hiện Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Phú Thọ giai đoạn đến năm 2035, định hướng đến năm 2050. Tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ. Chinh trang các đô thị hiện hữu, cải thiện kiến trúc cảnh quan, nhất là tại các khu vực trung tâm. Xây dựng đô thị mới thông minh, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ các sông lớn, đường sắt, đường cao tốc để khai thác hiệu quả không gian, quỹ đất. Phát triển đô thị mô hình TOD gắn với các ga của tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và đường sắt đô thị của Thành phố Hà Nội. Khuyến khích đầu tư nhà ở đô thị sinh thái chất lượng cao phục vụ chuyên gia, người nước ngoài, người có thu nhập cao. Đánh giá hiện trạng và nhu cầu phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh làm cơ sở xây dựng Chương trình phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2026–2035; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở xã hội với vị trí, địa điểm, cơ cấu sản phẩm, giá thành hợp lý, phù hợp với nhu cầu thị trường, bảo đảm chất lượng tốt để cải thiện điều kiện về nhà ở trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành chỉ tiêu nhà ở xã hội do Chính phủ giao.

Tập trung ưu tiên phát triển hạ tầng thủy lợi, điện lực, hạ tầng y tế, văn hóa, hạ tầng số. Đầu tư phát triển, cải tạo hệ thống thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, đảm bảo phòng chống ngập lụt, tiêu úng cho các khu vực dân cư, đô thị có nguy cơ cao; đảm bảo nguồn nước phục vụ tưới tiêu. Duy trì, phát triển các nguồn điện hiện có trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Phát triển mới một số dự án nguồn điện tiềm năng (thủy điện, điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời, điện rác...). Đầu tư đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối; xây mới, nâng cấp các trạm biến áp, đường dây kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt là các khu, cụm công nghiệp và các khu du lịch, các dự án công nghiệp lớn. Phát triển hệ thống y tế theo hướng mở rộng, chuyên sâu, đưa

²² Cảng Vĩnh Thịnh, cảng Cam Giá, cảng An Tường, cảng Như Thụy, Cảng Đức Bác và cảng khác (Trung Hà, Hồng Châu, Cao Đại trên sông Hồng, Việt Xuân, Sơn Đông, Cao Phong, Hải Lưu trên Sông Lô...)

Phú Thọ thành trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của vùng. Phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao đạt chuẩn khu vực và quốc tế, trở thành một trong những trung tâm tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, giải trí của quốc gia, khu vực và quốc tế. Hình thành và phát triển Trung tâm dữ liệu quy mô lớn, tạo đòn bẩy mạnh mẽ cho phát triển kinh tế số. Phát triển hệ thống thông tin, truyền thông và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại nhằm tăng cường khả năng kết nối thông suốt, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, phục vụ chuyển đổi số, kinh tế số; thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, hiện đại.

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, toàn diện và bền vững gắn với đô thị hóa, giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của làng, xã gắn với đặc trưng văn hoá Đất Tổ, người Việt cổ. Nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới mang bản sắc riêng theo hướng “Nông nghiệp xanh, nông thôn phát triển và nông dân giàu có”, “mang tiền từ thành thị về làng quê”. Đưa công nghệ, kỹ năng quản trị kinh tế về nông thôn; biến làng quê trở thành không gian sáng tạo. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước tiệm cận tiêu chuẩn đô thị; tạo sinh kế, việc làm ổn định tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân; hình thành các “khu dân cư kiểu mẫu”, “làng sinh thái”, “thôn trù phú”, “bản âm no”.

Xây dựng mới các nhà máy cấp nước mặt; nâng cấp, mở rộng và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý của các hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đạt tiêu chuẩn môi trường; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị, nông thôn và các trạm xử lý nước thải tập trung.

Quy hoạch xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung theo quy hoạch đô thị và nông thôn ở các cấp; bố trí nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị; di dời đối với các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hoặc không đảm bảo yêu cầu môi trường. Mở rộng công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng. Quy hoạch nghĩa trang tại khu vực xen kẹp giữa hai nghĩa trang Lạc Hồng Viên và nghĩa trang Tây Phương Cực Lạc; 01 nghĩa trang cấp I, 02 nghĩa trang cấp II; đầu tư mới nghĩa trang Yên Mông, nghĩa trang Cao Sơn và nghĩa trang Lạc Hồng. Quy hoạch 01 cơ sở hỏa táng và một số nhà tang lễ tại khu vực Vĩnh Phúc.

1.5. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, khơi thông nguồn lực, tháo gỡ nút thắt phát triển kinh tế hiệu quả.

a) *Tập trung hoàn thiện những cơ chế, chính sách để khơi thông nguồn lực cho phát triển của tỉnh như đất đai, vốn đầu tư, nguồn nhân lực... Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kết nối, chủ động tạo quỹ đất phát triển công nghiệp nhất là cho công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn; rà soát hệ thống các khu công nghiệp đã được quy hoạch, lựa chọn các khu công nghiệp có lợi thế để kêu gọi thu hút đầu tư. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đặc biệt là tham gia vào “Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành (CEO) đến năm 2030”; Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050” đáp ứng*

mục tiêu cho các ngành công nghệ tiên tiến, hàm lượng tri thức cao và các ngành mới, nhất là trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, vi mạch bán dẫn... Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi mạnh mẽ để thu hút và giữ chân nhân tài; phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo hóa (AI hóa).

b) Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, đổi mới cách thức, phương pháp xúc tiến thu hút đầu tư theo hướng chủ động, kêu gọi đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các đối tác tiềm năng, chú trọng đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ; tăng cường sự phối hợp, liên kết giữa trung ương với địa phương, giữa các vùng, giữa cơ quan quản lý nhà nước với hiệp hội đầu tư nước ngoài. Triển khai Đề án thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh và Đề án hỗ trợ kết nối, liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp, nhà đầu tư của tỉnh với doanh nghiệp nước ngoài để tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu. Thành lập các tổ công tác làm việc với từng nhà đầu tư chiến lược để thu hút các dự án lớn; có cơ chế “luồng xanh” để sớm triển khai dự án tại tỉnh. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư để sớm đưa vào hoạt động, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

c) Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Rà soát, cụ thể hóa các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, GPMB; ưu tiên bố trí nguồn lực cho Quỹ phát triển đất; chỉ đạo tháo gỡ điểm nghẽn trong công tác bồi thường, GPMB, tạo quỹ đất sạch để thu hút các dự án đầu tư. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để khơi thông thị trường bất động sản. Chủ động rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các dự án tư nhân trên địa bàn tỉnh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định; kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai. Nghiên cứu áp dụng cơ chế thu hồi đất dựa trên sự đồng thuận của người dân để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng.

d) Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng khu, cụm công nghiệp; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và thu hút, chấp thuận đầu tư các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp theo quy hoạch đã được phê duyệt; tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, hướng tới chuyển đổi khu công nghiệp sang mô hình khu công nghiệp sinh thái gắn với tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn, làm cơ sở để thu hút đầu tư có chọn lọc²³. Ưu tiên thu hút các dự án FDI quy mô lớn, các ngành, lĩnh vực mới, thân thiện với môi trường; các ngành công nghệ cao (điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...) tạo sự lan tỏa, dẫn dắt, liên kết chuỗi giá trị. Chủ động tạo quỹ đất phát triển công nghiệp, lựa chọn các khu công nghiệp, cụm

²³ Chú trọng phát triển các KCN, CCN, CCN làng nghề - tiểu thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp tại các khu vực nông thôn, miền núi. Tập trung hoàn thành công tác lập quy hoạch phân khu xây dựng các KCN trong Danh mục phương án phát triển các KCN đến năm 2030 đã được phê duyệt; phân đầu xây dựng hạ tầng KCN tỉnh Phú Thọ phát triển đồng bộ, hiện đại, là điểm đến mong muốn của các nhà đầu tư hạ tầng và nhà đầu tư thứ cấp trong và ngoài nước; phát triển KCN hài hòa, bền vững, là chiếc nôi để dẫn dắt các ngành công nghiệp mới của tỉnh và là điểm đến của các nhà sản xuất công nghiệp thế hệ mới. Đến năm 2028 phân đầu giải quyết dứt điểm các tồn tại để đưa toàn bộ các KCN đã được thành lập còn lại đi vào hoạt động. Đến năm 2030 phân đầu hoàn thành thủ tục thành lập thêm từ 22-27 KCN có điều kiện thuận lợi theo nhu cầu phát triển đất sạch hạ tầng KCN. Phân đầu toàn tỉnh có ít nhất 01 KCN công nghệ cao, 01 KCN tiệm cận đến các tiêu chuẩn KCN sinh thái; nâng tổng số KCN được thành lập đến năm 2030 khoảng 50-55 KCN.

công nghiệp đã được quy hoạch và có lợi thế để kêu gọi đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư.

d) Đẩy mạnh thực chất hơn nữa công tác cải cách hành chính; tăng cường quản lý nhà nước đối với các dự án FDI, DDI sau đăng ký đầu tư. Đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính theo hướng đơn giản hoá và giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; công khai, minh bạch hoá các thủ tục hành chính để công dân, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin. Triển khai đồng bộ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu số lớn trong xử lý hồ sơ, giám sát tiến độ. Tập trung giải quyết nhanh chóng các thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy, chữa cháy; nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia kỹ thuật cao; cải thiện chất lượng hạ tầng và điều kiện sống. Phần đầu Phú Thọ có các chỉ số PAR INDEX, PCI, SIPAS, PAPI cấp tỉnh và có môi trường đầu tư tốt nhất của cả nước. Thường xuyên nắm bắt và tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án để sớm đưa dự án vào hoạt động phát huy hiệu quả vốn đầu tư. Thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư, kiên quyết thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án chậm tiến độ và nhà đầu tư không có năng lực triển khai dự án theo đúng quy định của pháp luật.

e) Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; hình thành cơ sở dữ liệu về cung cầu thị trường lao động. Phát huy vai trò của các doanh nghiệp, tổ chức, người sử dụng lao động trong việc tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt 40-45%.

2. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Phát huy giá trị văn hoá, con người Phú Thọ đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên phát triển mới.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Thúc đẩy hình thành một số ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa có tiềm năng, lợi thế (phim trường điện ảnh, trường đua, mặt hàng thể thao, thủ công mỹ nghệ, biểu diễn nghệ thuật, sân khấu thực cảnh, du lịch văn hóa,...). Tổ chức, đăng cai các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao lớn để đưa Phú Thọ thành trung tâm sự kiện của quốc gia, quốc tế. Đề xuất kết nối các địa phương của Trung Quốc và Việt Nam cùng hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa theo sáng kiến “Chung một dòng sông Hồng”. Xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao tầm cỡ quốc gia, biểu tượng của tỉnh Phú Thọ mới.

Phát triển nền văn học nghệ thuật phong phú, đa dạng, giàu bản sắc, kết hợp truyền thống và hiện đại. Quan tâm đầu tư, đặt hàng một số sản phẩm văn hóa chất lượng cao, có tư duy sâu sắc, nghệ thuật tinh tế, giàu sức sống (sân khấu biểu diễn thực cảnh tại Đền Hùng, Tây Thiên,...); tổ chức các chương trình nghệ thuật, trình diễn văn hóa đặc sắc với sự tham gia của các nhân vật giải trí nổi tiếng trong và ngoài nước. Xây dựng chuẩn mực văn hóa ứng xử trong lãnh

đạo, văn hóa công sở, văn hóa kinh doanh; khôi phục các giá văn hóa truyền thống trong các thôn, bản, làng, các quy ước, hương ước.

Đẩy mạnh tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, trong đó tập trung lập, xây dựng và thực hiện các dự án tu bổ di tích quốc gia đặc biệt Đền Hùng, các di tích thờ Hùng Vương và các danh tướng thời Hùng Vương, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia, hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh; di tích danh thắng Tây Thiên - Tam Đảo; các di tích lịch sử cách mạng kháng chiến. Quy hoạch, bảo tồn và phát huy tốt giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, các di chỉ khảo cổ học, di tích lịch sử cách mạng, giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc; phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đã được UNESCO ghi danh. Xây dựng hồ sơ di sản văn hóa Mo Mường đệ trình UNESCO ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp của nhân loại. Phấn đấu đưa Phú Thọ thành trung tâm văn hóa, lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam.

Sắp xếp lại mạng lưới, hệ thống thiết chế thể thao phù hợp với bối cảnh mới; ưu tiên xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao của tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc tế. Tập trung đầu tư cho một số môn thể thao thành tích cao; mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao quần chúng và hoạt động thể thao trong trường học. Phấn đấu có tối thiểu một câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền đại diện cho tỉnh thi đấu ở các giải chuyên nghiệp cấp độ cao nhất của quốc gia. Nghiên cứu phát triển sân Golf theo quy hoạch hướng tới đảm bảo đủ điều kiện tổ chức các giải đấu thuộc khuôn khổ PGA. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất gắn với nâng cao hiệu quả, công năng sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận, niềm tin xã hội; tăng cường đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá Đảng, Nhà nước; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước; kịp thời thông tin, phản hồi những vấn đề được dư luận quan tâm; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, sản xuất và phân phối nội dung theo hướng đa nền tảng, đa phương tiện đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của công chúng hiện đại. Tăng cường quảng bá giới thiệu văn hóa, con người Phú Thọ và những tiềm năng thế mạnh, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh đến các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước. Quản lý chặt chẽ hoạt động xuất bản, thúc đẩy văn hóa đọc.

2.2. Phát triển giáo dục và đào tạo; tập trung thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển giáo dục đào tạo theo hướng hiện đại, đồng bộ, toàn diện, hội nhập; hoàn thiện cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, văn minh, thân thiện. Xây dựng đội ngũ nhà giáo tinh hoa, đủ phẩm chất, năng lực, đủ về số lượng, đạt chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục, đảm bảo cơ cấu giáo viên cho tất cả các cấp học. Nâng cao chất lượng ngoại ngữ, tin học, triển khai Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2045”. Xác định đào

tạo nhân lực chất lượng cao là đột phá chiến lược phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và kinh tế tri thức. Phấn đấu đến năm 2030, Phú Thọ trở thành trung tâm giáo dục đào tạo của vùng trung du và miền núi phía Bắc, thuộc nhóm 05 tỉnh dẫn đầu cả nước, tham gia mạng lưới “tỉnh học tập” theo chuẩn UNESCO, từng bước đạt trình độ tiên tiến của khu vực. Duy trì vị trí trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu toàn quốc về kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi học sinh giỏi quốc gia; phấn đấu có học sinh đạt giải quốc tế.

Quan tâm, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục. Sắp xếp, tinh gọn mạng lưới cơ sở giáo dục tinh gọn, hợp lý, đa dạng loại hình, giảm số điểm trường lẻ, bảo đảm đồng bộ, hiện đại và tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng. Phấn đấu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh thuộc TOP đầu cả nước. Xây dựng, nâng cấp 03 trường THPT chuyên theo mô hình tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế; thành lập mới ít nhất 02 trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ở nơi có điều kiện kinh tế phát triển, tập trung đông dân cư để thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục cấp trung học phổ thông. Nghiên cứu phương án và thực hiện hợp nhất trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên theo quy định; sắp xếp tinh gọn còn 03 trường cao đẳng trọng điểm/trường chất lượng cao công lập ở 03 khu vực (trừ các trường tự bảo đảm chi thường xuyên); sáp nhập các trung tâm học tập cộng đồng theo địa bàn cấp xã; xây dựng trường nội trú theo khu vực, hình thành mạng lưới trường dân tộc nội trú, bán trú tại trung tâm xã hoặc liên xã. Nâng cao hiệu quả trung tâm học tập cộng đồng, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời.

Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3-5 tuổi; bảo đảm 100% trẻ 5 tuổi và 99% trẻ mẫu giáo đến trường. Phấn đấu 100% trẻ khuyết tật có nhu cầu được học tập phù hợp. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Hoàn thành giáo dục bắt buộc hết THCS. Phấn đấu ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành THPT hoặc tương đương; Huy động khoảng 20% học sinh sau THCS, THPT vào học Giáo dục nghề nghiệp; Tỷ lệ 60% học sinh tốt nghiệp THPT vào học đại học. Học sinh đạt kết quả bước đầu về năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo và chỉ số năng lực tiếng Anh ở bậc phổ thông. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, xây dựng kho học liệu số; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học và kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số; triển khai 100% sổ điểm điện tử, học bạ số, văn bằng số, tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, thư viện số,... Phát triển khoa học liệu số dùng chung toàn tỉnh, kết nối, chia sẻ với nguồn tài nguyên số và học liệu số quốc gia; triển khai hệ thống quản lý học tập, kiểm tra đánh giá trực tuyến (LMS); tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo AI cho 100% giáo viên, học sinh.

Nghiên cứu, đề xuất chuyển một số trường đại học trên địa bàn về tỉnh quản lý. Thúc đẩy hình thành các trường đại học, cao đẳng tầm cỡ quốc gia và khu vực; Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy nghề cho các trường Cao đẳng đào tạo, dạy nghề bám sát danh mục nghề trọng điểm quốc gia, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường lao động. Phát triển một số trường đại học trọng điểm trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho vùng,

gắn với nghiên cứu đổi mới sáng tạo, đưa kết quả nghiên cứu đi vào ứng dụng thực tiễn. Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở giáo dục lớn trong và nước thành lập phân hiệu, mở văn phòng đại diện hoặc triển khai chương trình giáo dục tại tỉnh. Phát triển mô hình đô thị đại học đáp ứng nhu cầu sinh sống, học tập, làm việc của sinh viên, giảng viên, chuyên gia và người lao động chất lượng cao.

Khuyến khích, đẩy mạnh phát triển giáo dục ngoài công lập; liên kết đào tạo với các trường trọng điểm, trường có uy tín trong nước và quốc tế. Thu hút các dự án giáo dục, đào tạo chất lượng cao, các trung tâm trải nghiệm giáo dục đạt tiêu chuẩn quốc tế. Áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục.

Thu hút, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao để tạo ra lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế cho tỉnh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành mới, nhất là trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, vi mạch bán dẫn... Tổ chức tham gia hiệu quả các nội dung đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao... Đổi mới, nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào khu vực công, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có năng lực thực thi công vụ theo tinh thần “Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn thử thách, dám hành động vì lợi ích chung”.

2.3. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế hiện đại, công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, hướng tới y tế thông minh. Phát triển nhân lực y tế bảo đảm đồng bộ về số lượng, chất lượng, cơ cấu, nhất là nhân lực phục vụ y tế cơ sở, y tế dự phòng.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế đáp ứng sự thay đổi mô hình bệnh tật và bao phủ sức khỏe toàn dân, giảm thiểu chênh lệch giữa các khu vực trong tỉnh; bảo đảm mọi người dân được sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần. Thiết lập cơ sở dữ liệu về y tế; mỗi người dân được lập sổ sức khỏe điện tử. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế. Mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa; tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình bệnh viện vệ tinh, giảm tải cho bệnh viện tuyến trên.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, phương tiện và nguồn nhân lực y tế. Xây dựng một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đảm nhận chức năng vùng. Hình thành tối thiểu 01 bệnh viện hạng đặc biệt, 01 bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa, 01 trường đại học y dược, một số bệnh viện chuyên ngành và bệnh viện vệ tinh, các cơ sở

chăm sóc sức khỏe tư nhân đạt tiêu chuẩn quốc tế; đưa Phú Thọ trở thành trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của vùng và cả nước.

Kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng theo hướng hiện đại; đủ năng lực giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh, khống chế kịp thời các dịch bệnh và chủ động tổ chức triển khai các hoạt động phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế.

Phấn đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; huy động mọi nguồn lực để tăng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với một số nhóm đối tượng chính sách. Phát triển toàn diện y dược học cổ truyền, kết hợp y dược học cổ truyền với y dược học hiện đại trong đào tạo nhân lực y tế, phòng bệnh và khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; phát triển y học cổ truyền và công nghiệp dược liệu. Tăng cường kết hợp quân dân y, y tế công an, đặc biệt tại vùng miền núi, vùng khó khăn.

Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển nhằm nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tầm vóc, tuổi thọ, thể chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống theo hướng sống lâu, sống khỏe, sống lành mạnh, sống hạnh phúc. Thích ứng với già hóa dân số, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con để đạt mức sinh thay thế bền vững, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai mô hình “kinh tế đầu bạc” phục vụ người già, thúc đẩy hình thành các viện dưỡng lão, cơ sở y tế cung cấp dịch vụ y tế kết hợp nghỉ dưỡng chất lượng cao dành cho người cao tuổi

2.4. Đảm bảo việc làm, an sinh xã hội và công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030

Nâng cao chất lượng kết nối cung - cầu lao động, giao dịch việc làm trên nền tảng số, hướng đến thị trường lao động bền vững, hiệu quả. Phấn đấu giải quyết việc làm bình quân cho khoảng 52,28 nghìn lao động/năm; số lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng bình quân 4,74 nghìn lao động/năm. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ, hội nhập quốc tế; thúc đẩy chuyển dịch và phân bổ hợp lý lao động; hình thành cơ sở dữ liệu quản lý lao động, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ lao động cho người lao động khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Quan tâm dành nguồn lực triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo quyết định số 73/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ. Phấn đấu năm 2030 tỷ trọng lao động có việc làm khu vực công nghiệp – xây dựng đạt 45%, khu vực dịch vụ đạt 37% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 18%.

Quan tâm hỗ trợ người dân tiếp cận hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu, bao gồm y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin và trợ

giúp pháp lý. Thực hiện tốt công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, chính sách trợ giúp xã hội, bình đẳng giới, chăm sóc, bảo vệ người già, trẻ em và hỗ trợ thanh niên giải quyết việc làm, khởi nghiệp. Phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và người lao động có thu nhập thấp; cải tạo các khu tập thể, chung cư xuống cấp. Huy động mọi người lực để tạo điều kiện, hỗ trợ cho các hộ gia đình đều có nhà ở kiên cố. Mở rộng mạng lưới các tuyến xe buýt kết nối các trung tâm đô thị lớn của tỉnh (Phúc Yên, Vĩnh Yên, Việt Trì, Phú Thọ, Hòa Bình) và từ các trung tâm đô thị lớn đến trung tâm các xã, phường có mật độ đi lại cao theo từng khu vực. Mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia BHXH; khắc phục tình trạng nợ đóng BHXH trong các doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Phần đầu có khoảng 45% lực lượng lao động tham gia BHXH.

Tăng cường quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Huy động nguồn lực phát triển sản xuất, chuyển đổi sinh kế, giảm nghèo nhanh cho khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số xuống còn dưới 10%. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số và tình trạng đồng bào dân tộc thiểu số di cư không theo kế hoạch; hoàn thành quy hoạch đất ở, cơ bản di dời, bố trí ổn định nhà ở, đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh, xử lý các hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân. Chú trọng công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ pháp luật trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật trên các nền tảng số.

3. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Triển khai đầy đủ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Phần đầu thu hút thêm ít nhất 01 doanh nghiệp công nghệ cao hàng đầu thế giới đầu tư, sản xuất tại tỉnh để đóng vai trò dẫn dắt; tối thiểu 01 doanh nghiệp, nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước đặt trung tâm dữ liệu khu vực tại tỉnh và 01 trường đào tạo nghề về các lĩnh vực công nghệ số, công nghệ mới; áp dụng rộng rãi các nền tảng số thông minh trong tất cả các lĩnh vực.

Phát triển các cơ sở ươm tạo các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch dịch vụ và khởi nghiệp. Thúc đẩy thành lập trung tâm nghiên cứu trí tuệ nhân tạo tại các khu công nghiệp. Hình thành tối thiểu 01 khu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ. Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp đạt trên 40%.

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng số; xây dựng, nâng cấp trung tâm dữ liệu, trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP), kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ

liệu chuyên ngành của các cơ quan Trung ương... Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phần đầu năm 2030 tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 80%; tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành đạt 100%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%.

Mở rộng phủ sóng băng thông rộng toàn tỉnh, phần đầu phủ sóng đến 100% dân số (mạng 5G và các thế hệ tiếp theo). Nghiên cứu tham gia triển khai thử nghiệm sóng vệ tinh quỹ đạo tầm thấp, hướng tới phủ sóng internet vệ tinh trên địa bàn toàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, thương mại điện tử và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số. Chuyển đổi dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số; triển khai xây dựng trung tâm bưu chính vùng theo quy hoạch. Tăng cường quản lý các loại hình truyền thông, thông tin trên mạng Internet; các quy định về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Đưa công nghệ, kỹ năng quản trị số về nông thôn.

Ban hành các chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ, thương mại hóa sản phẩm, quy trình kinh doanh mới hoặc cải tiến các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, tạo ra sản phẩm có giá trị cao; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm (Lab), trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

Củng cố năng lực các phòng thí nghiệm, kiểm định; nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, tập trung những vấn đề quan trọng của tỉnh, có tính ứng dụng cao. Tổ chức hội nghị, diễn đàn khoa học công nghệ cấp vùng, cả nước. Chủ động ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác lớn. Tạo điều kiện tối đa cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến làm việc, hợp tác tại tỉnh. Phần đầu nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo/vạn dân đạt 12 người.

4. Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Quản triệt thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo gắn kết với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý các vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Tập trung hoàn thiện, số hóa quản lý hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính, khoáng sản, bảo vệ môi trường theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất, mang tính tích hợp. Giải quyết cơ bản tình trạng lấn, chiếm, sử dụng đất đai trái phép, những tồn tại lớn về đất đai, khoáng sản.

Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học công nghệ. Thúc đẩy các hoạt động tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; phát triển các ngành sản xuất xanh mới, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết

quốc tế của Việt Nam. Tăng cường quan trắc, giám sát chặt chẽ chất lượng nguồn nước; hoàn thành việc kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát, giám sát các nguồn xả thải bảo đảm an toàn cho nguồn nước, môi trường không khí ở các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các lưu vực sông và khu vực nông thôn. Quan tâm đầu tư hệ thống các công trình xử lý chất thải, rác thải, nước thải tại các khu vực đô thị và nông thôn; tiếp tục xây dựng, cải tạo hệ thống nước thải sinh hoạt trong khu dân cư. Thực hiện di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm ra ngoài trung tâm đô thị.

Chủ động triển khai thực hiện các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xử lý khẩn cấp các công trình đê điều, phòng chống sạt lở, an toàn đập, hồ chứa; các công trình hạ tầng bố trí ổn định cư chịu ảnh hưởng của thiên tai; đầu tư nâng cấp công trình đo đạc, quan trắc, giám sát môi trường, cảnh báo sớm thiên tai. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

5.1. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp, nhất là chính quyền cấp cơ sở. Đổi mới tư duy và phương thức chỉ đạo, điều hành; duy trì và phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất cao, bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, vững vàng trước khó khăn, thách thức. Nâng cao năng lực cụ thể hóa, triển khai thi hành pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật; thực hiện công khai, minh bạch các chính sách, pháp luật của Nhà nước; huy động sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tạo đồng thuận xã hội trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội. Đẩy mạnh thực hiện phân cấp, ủy quyền, phát huy sự năng động, sáng tạo, tự chủ của các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; thực hiện nghiêm quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; tập trung hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; triển khai Cổng đầu tư một cửa cấp tỉnh để thu hút, xúc tiến và giải quyết các thủ tục đầu tư. Phát triển các nền tảng số an toàn; tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số. Chỉ số đánh giá cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ người dân của cơ quan hành chính (SIPAS) duy trì, cải thiện và phấn đấu trong tốp cao của cả nước.

5.2. Tiếp tục củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, chính quyền các cấp gắn với sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị sự nghiệp công lập tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới dựa trên cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của cơ sở, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; khuyến khích, bảo

vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Nâng cao hiệu quả hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân. Chú trọng đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức về số lượng, chất lượng; thực hiện tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, CCVC đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

5.3. Triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; tăng cường thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Chú trọng làm tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; xử lý nghiêm minh các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện rà soát, xử lý đối với các vụ việc phức tạp; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết đơn; hạn chế tối đa đơn vượt cấp, tồn đọng, kéo dài; nghiêm túc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc tiếp công dân, đối thoại và xử lý những phản ánh, kiến nghị của công dân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường công tác hướng dẫn, theo dõi, đánh giá việc thực hiện công tác PCTN. Đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức, hoạt động; thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

5.4. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nâng cao chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Chú trọng công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận và các quy định của pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành hằng năm. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật. Duy trì tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở, bảo đảm 100% làng, bản, tổ dân phố có tổ hòa giải, phấn đấu hoà giải thành đạt từ 95% số vụ việc trở lên. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp, đưa các lĩnh vực công tác tư pháp thực sự đến gần với người dân, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân. Tiến hành kiểm tra về hoạt động công chứng và hoạt động bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh. Thực hiện hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý.

6. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

6.1. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Xây dựng Phú Thọ là trung tâm, đóng vai trò nòng cốt trong khu vực phòng thủ trên địa bàn Quân khu 2. Tập trung xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và “thể trận lòng dân” vững mạnh. Nâng cao chất lượng tuyển quân, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao hằng năm. Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch tổng thể thể trận quốc phòng gắn với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phù hợp với điều chỉnh địa giới hành chính và yêu cầu tác chiến hiện đại, nhất là địa bàn chiến lược, trọng điểm. Thẩm định, giám

sát chặt chẽ về mặt quốc phòng đối với các chương trình, đề án, dự án. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Quan tâm làm tốt chính sách hậu phương quân đội, công tác tuyển chọn, gọi nhập ngũ, tuyển sinh quân sự và hỗ trợ sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương.

Bảo đảm về mọi mặt để giữ ổn định chính trị, xã hội; ứng phó, xử lý kịp thời, có hiệu quả các nguy cơ đe dọa, thách thức an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước, của tỉnh và hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế làm việc trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh chính trị, kinh tế, nội bộ, văn hóa - tư tưởng, tôn giáo, dân tộc, an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh công nhân, an ninh nguồn nước, an toàn hồ, đập... Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự. Phần đầu tỷ lệ điều tra khám phá các loại tội phạm đạt trên 75%; án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 95% tổng số án khởi tố; 100% tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, xử lý, trong đó tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%. Hàng năm, kiểm chế, kéo giảm số tội phạm về trật tự xã hội năm sau cao hơn năm trước. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm kinh tế, tham nhũng, sử dụng công nghệ cao, ma túy, môi trường.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý cư trú, căn cước, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông; phòng, chống cháy, nổ, cứu nạn, cứu hộ; an ninh thông tin; cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy; lý lịch tư pháp; sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Hàng năm, kiểm chế tai nạn giao thông, phần đầu kéo giảm 05% trên cả 03 tiêu chí (Số vụ, số người chết, số người bị thương), kéo giảm 05% tổng số vụ cháy từ cấp III trở lên. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành án hình sự, thi hành tạm giữ, tạm giam, hỗ trợ tư pháp, bảo đảm an ninh, an toàn các cơ sở giam giữ, giáo dục cải tạo và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng với các loại đối tượng. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng lực lượng công an, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới, góp phần ổn định môi trường đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới. Cùng cố lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở vững mạnh; phát huy mạnh mẽ vai trò của Hội cựu chiến binh, Hội cựu Công an nhân dân.

6.2. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, kinh tế quốc tế

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Phát huy vai trò của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân trên cơ sở chủ trương, định hướng của Trung ương. Đẩy mạnh ngoại giao toàn diện phục vụ phát triển, trọng tâm là ngoại giao kinh tế. Tích cực triển khai có hiệu quả, thực chất các sáng kiến, cam kết của Đảng, Chính phủ với đối tác quốc tế.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, kinh tế quốc tế. Triển khai sáng kiến “Mạng

lưới toàn cầu vì tương lai Phú Thọ” để thu hút cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, người Phú Thọ ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân quốc tế đóng góp ý tưởng, nguồn lực xây dựng và phát triển tỉnh. Chủ động thu hút các nguồn lực viện trợ của các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Nghiên cứu từng bước thành lập các văn phòng đại diện của tỉnh tại nước ngoài (Phú Thọ Desk) để phục vụ xúc tiến đầu tư, thương mại, giao lưu văn hóa, nhất là ở các địa phương kết nghĩa.

Ban hành chiến lược marketing hình ảnh, thương hiệu nhận diện của tỉnh. Hợp tác với các tập đoàn truyền thông lớn quảng bá văn hóa, con người, tiềm năng, lợi thế của Phú Thọ ra thế giới. Kết nối, mời những người có ảnh hưởng trong cộng đồng xã hội, cộng đồng mạng, báo chí nước ngoài khảo sát các điểm đến hấp dẫn, quảng bá các sản phẩm du lịch thể mạnh của tỉnh.

Triển khai hiệu quả Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030. Đăng cai tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa, thể thao tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế. Hợp tác và liên kết phát triển đa vùng, đa vành đai. Đề xuất kết nối các địa phương của Trung Quốc và Việt Nam cùng hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa theo sáng kiến “Chung một dòng sông Hồng”. Mở rộng quan hệ hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, các tập đoàn kinh tế lớn; chủ động xây dựng biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với đối tác tiềm năng. Tiếp tục thiết lập quan hệ hữu nghị và giao lưu, hợp tác với địa phương có điều kiện hoặc có lợi thế so sánh tại khu vực ASEAN, Đông Bắc Á, Châu Âu, Bắc Mỹ. Tăng cường hợp tác, trao đổi đào tạo nguồn nhân lực với các đối tác quốc tế có quan hệ với tỉnh, đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, công nghệ bán dẫn,... Tăng cường hợp tác liên kết vùng để phát huy lợi thế của từng địa phương và của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong phát triển kinh tế - xã hội.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Phú Thọ được ban hành; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường xây dựng, cập nhật kế hoạch 5 năm của ngành, địa phương mình phù hợp với kế hoạch của tỉnh, đồng thời cụ thể hóa thành kế hoạch hàng năm, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình kế hoạch đã đề ra, phân đầu thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2026-2030.

2. Giao Sở Tài chính căn cứ Kế hoạch này của UBND tỉnh hàng năm cụ thể hóa bằng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội báo cáo UBND tỉnh; đồng thời, theo dõi sát tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm và hàng năm, kịp thời tham mưu UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và đề xuất điều chỉnh kế hoạch 5 năm (nếu cần thiết).

3. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng, giải pháp được nêu trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường báo cáo kịp thời UBND tỉnh để giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tổ chức, triển khai đảm bảo chất lượng và tiến độ các nhiệm vụ theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
 - TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c),
 - Đảng ủy UBND (b/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành (t/h);
 - UBND các xã, phường (t/h);
 - CPVP UBND tỉnh;
 - CVNCTH;HCC, HCTC, QTTV, THCB;
 - Lưu: VT, KT12.
- (H- b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông